

Ơ QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



# LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 6 – THÁNG SÁU NĂM CANH-TÝ

# LIÊN - HOA

*Nguyệt - San*

Số VI năm thứ VI

Rằm tháng 6 năm Canh-Tý (8-7-1960)

## TRONG SỐ NÀY:

**Con đường thẳng của đạo Phật**

**Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật**

**Chén Quan hà** (*Chuyện ngắn*)

**Kinh Đại phân biệt các nghiệp**

**Suy tưởng** (*Thơ*)

**Sám hối**

**Cửa đầu**

**Khát khao** (*Thơ*)

**Bé Hiền với Mimi** (*Chuyện ngắn*)

**Bốn cửa** (*Thơ*)

**Xây dựng Gia-đình**

**Nhìn lại vấn - đề nam Phật-Tử trong giai-**

**đoạn hiện tại**

**Bức thư của Hòa-Thượng Hội-trưởng P.G.T.P.**

**Tin tức.**

*Liên-Hoa*

*Thích Thiên-Ẩn*

*Thích-nữ Thê-Quán*

*Thích Minh-Châu*

*Bà Tâm-Tấn*

*Thích Kim-Son*

*Nguyễn-Thái*

*Huyền-Không*

*Tâm-Hỷ*

*Thạch Trung-Giả*

*Nguyễn-khắc-Từ*

*Đức-Thương*

Bìa do PHẠM-ĐĂNG-TRÍ trình bày

# CON ĐƯỜNG THẮNG CỦA ĐẠO PHẬT

**Đ**ẠO Phật thường được gọi là đạo Diệt-dục, đạo Giải-thoát. Diệt-dục là tiêu diệt những dục-vọng làm nặng nề nghiệp chướng của con người, là bài trừ những mầm giống xấu xa che lấp bản tánh sáng suốt của chúng sanh; Giải-thoát là cởi mở những dây-dợ, mà dục-vọng đã ràng buộc con người vào trong tội lỗi, thấp hèn, đau khổ; là khai-phóng con người tiến đến một địa vị hoàn toàn tự-do....

Diệt-dục là phương-tiện. Giải-thoát là mục tiêu cuối cùng trên con đường đi của người theo dấu chân Phật. Một Phật-tử không theo phương tiện ấy, không nhằm mục tiêu ấy, không phải là Phật-tử. Một tổ-chức Phật-giáo không dùng phương tiện ấy, không nêu cao mục tiêu ấy, cũng không phải là một tổ-chức đúng với danh nghĩa ấy. Từ trước đến nay, trải qua nhiều giai đoạn rối ren của thời cuộc, có những người hay những tổ-chức mượn danh nghĩa Phật-giáo để đi đến những mục-tiêu khác, nhưng những người hay những tổ-chức ấy đã thất bại và mai-một trong bóng tối. Trong lúc ấy, những Phật-tử

thuần thành, những đoàn-thề Phật-giáo chân chính vẫn tuân-tự dẫn bước qua gian-nguy, qua hiểm trở, dề thẳng tiến đến mục-tiêu mà Đức Phật đã vạch sẵn. Danh lợi không phải là mục-tiêu của họ. nên danh lợi không thể câu được họ. Uy-vú không phải là điều đáng sợ đối với họ, nên uy-vú không thể chuyền lay được họ. Khối Phật-tử là khối đông đảo nhất trong nước. nhưng nếu ai muốn dùng họ làm một bàn-dạp dề nhẩy lên mục-tiêu khác, sẽ không thấy họ đâu hết, khối Phật-tử là khối mạnh mẽ nhất, nhưng nếu ai muốn dùng họ làm một hậu-thuần cho những đảng phái chính-trị, sẽ thấy họ yếu như những cây sậy, rời-rạc như một đống cát rời. Họ có vẻ ù-ù, cạc-cạc, gàn-gàn, dờ-dờ, nói thế này họ cũng ừ, nói trái lại họ cũng dạ, nhưng rốt cuộc, họ không làm được cái tích sự gì cả ! Nhưng sao nỡ trách họ ? Họ có quen làm những việc ủng-hộ và đả-đào đâu ! Sao lại chê họ, khi dùng họ không phải chỗ. khi lấy số đoàn của họ làm sở trường ?

Sở trường của họ là trau dồi Đạo-đức, mở rộng lòng Từ-bi, mở tầm Trí-tuệ, trút bỏ dần dần gánh nặng Dục-vọng dề nhẹ bước trên đường đi đến Giải-thoát. Nếu bảo họ hãy giúp đỡ láng-giềng, hy-sinh cho đồng-loại, tranh đấu cho hòa-bình. bảo tồn sự sống..., họ sẽ là những người mạnh-mẽ nhất, hăng-hái nhất. chân thành nhất.

Đối ngoại đã là như thế, mà đối nội cũng vẫn như thế. Người Phật-tử vào hội là dề được thuận tiện cho việc tu tập theo giáo lý Đức Phật. Vì mục-dích ấy mà họ bầu người

vào các ban chấp-hành ; trong công việc này, từ trước đến nay, họ chưa bao giờ làm lẫn ; và cũng chưa bao giờ các ban lãnh đạo phản bội, lừa phỉnh họ dè lái đi một hướng khác. Đối với người đồng đạo, họ chỉ thân cận, mến phục những ai cùng theo đuôi một mục - đích như họ. Cửa Phật rộng mở, họ không cản-trở một ai muốn đến với đạo, cũng không tranh chấp với những đứa con mượn ảnh hưởng của Phật-giáo, len-lỏi trong Phật-giáo để kiếm danh lợi, hay vì danh lợi mà chối cãi mình không phải là Phật-tử... Đạo Phật là một tổ ấm ; trong quá khứ cũng như trong hiện tại, đã có những con chim non, sau khi tạo cho mình đủ lông, đủ cánh, vội-vả bay đi không quay đầu ngoá lại ; có những con, sau khi bị rã cánh, cụt đuôi trong một cơn gió lốc, đã quay về sưởi ấm dưới mái Từ-bi. Trước những hành động đi hay về ấy, những Phật-tử thuần thành không bao giờ bận tâm đến. Hề đồng thanh thì tương ứng, đồng khí thì tương cầu. Còn vàng thau có lẫn-lộn thì đã có thời-gian làm nhiệm vụ đào-thải. Hỡi đâu mà bận tâm đến.

Người Phật-tử thuần-thành cũng như một tổ-chức Phật-giáo đúng đắn, bao giờ cũng như bao giờ, chỉ biết thực hiện đúng tôn chỉ Từ-bi và Trí-tuệ, mạnh tiến đến đích Giải-thoát và Giác ngộ...

**LIÊN-HOÀ**

### III.— Thuyết-lý của

ZEN

« If you once lose your human body,  
in a myriad kalpas it will not return.  
Strive with all your might » (1)

*Dr. D. T. Suzuki*

**Thích Thiên-Ân**

**T**ÔN-GIÁO là món ăn tinh-thần của nhân-loại. Vì thế từ đời thượng-cổ đến bây giờ không một lúc nào nhân-loại không có tôn-giáo. Tuy nhiên, tùy theo trình-độ tiến-hóa của loài người và tùy theo phong-thổ tập-quán, mỗi xứ có một tôn-giáo với một hình-thức tín-ngưỡng khác nhau. Nhưng đại-lược mà nói, chúng ta có thể chia tôn-giáo thành 2 loại: loại có kinh sách truyền-tụng, và loại không có kinh sách truyền-tụng. Trừ các tôn-giáo của xã-hội nguyên-thỉ ra, các tôn-giáo được lưu-truyền trong thế-giới hiện-dại hầu hết đều thuộc về loại có kinh sách truyền-tụng. Các tôn-giáo như Ấn-độ-giáo, Hồi-giáo, Thiên-Chúa-giáo, Phật-giáo v. v... đều liệt vào loại tôn-giáo này.

Trong Phật-giáo thường lấy Đại-Tạng-Kinh làm Thánh-diễn căn-bản. Những Thánh-diễn này là ghi lại tất cả ngôn

(1) Một lần mất thân người, muôn kiếp khó trở lại được. Hãy gắng lên với tất cả năng-lực của người! (Do Bác-sĩ D. T. Suzuki dịch trong luận « Đốn-ngộ nhập-dạo yếu-môn »).

và hạnh của Phật-tổ; nghĩa là những lời của Phật đã nói, những việc của Phật đã làm đều ghi chép kỹ-càng vào đây và truyền-tụng lại cho đệ-tử về sau, các vị đệ-tử Phật dựa vào tinh-thần căn-bản của những điều đã ghi chép ấy, rồi phổ-diễn rộng ra, chú thích, giảng-nghĩa, nghị-luận thêm vào, tạo thành Tam-tạng Thánh-diễn.

Tam-tạng Thánh-diễn là một kho-tàng chứa đựng kinh sách rất dồi-dào phong-phú. Trong thế-giới này, ngoài Phật-giáo ra, không có một tôn-giáo nào có một kho-tàng kinh sách vĩ-đại như thế. Tam-tạng Thánh-diễn ngoài tánh-cách chứa đựng một hệ-thống triết-lý tôn-giáo, nó còn có một tính-cách khác quan-trọng hơn, là chứa đựng một kho-tàng về văn-hóa, học-thuật và tư-tưởng Đông-phương.

Tam-tạng Thánh-diễn là Kinh-tạng, Luật-tạng và Luận-tạng. Chữ Tạng có nghĩa là chứa đựng, nên người Tây-phương thường dịch là Basket, tức là một kho-tàng chứa đựng chân-lý. Kinh-tạng là những kinh-sách ghi chép tất cả lời Phật dạy. Luật-tạng là những kinh-sách ghi chép những luật-nghi, quy-tắc và luân-lý của Phật-giáo. Luận-tạng là những sách giải-thích ý-nghĩa kinh-diễn và bàn luận các vấn-đề triết-lý, tư-tưởng, tâm-lý, cùng các vấn-đề có tánh-cách siêu-hình v. v. . .

Nguyên-thỉ của Tam-tạng Thánh-diễn là chép bằng tiếng Sanskrit và Pali, về sau được dịch ra thành tạng chữ Hán, tạng Tây-Tạng, tạng Mông-Cổ, tạng Nhật-Bản và gần đây lại được dịch ra các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý v. v. . . Các thứ kinh sách đã được phiên-dịch và biên-chép này được xem như những Thánh-diễn, những tài-liệu rất quý báu để tìm hiểu hệ-thống tư-tưởng Phật-giáo.

Tựu trung, trong Phật-giáo cũng có phái cho kinh sách là vật thiêng-liêng, tuyệt-đối phải tôn-trọng, nhưng có phái

thì không như thế. Ví dụ: Tịnh-độ-tôn thì lấy « Tam bộ kinh » (2) làm trọng, Chơn-tôn thì lấy kinh « Vô-lượng-thọ » làm bảo-vật tuyệt-đối v. v. . . Nhưng Zen (tức là Thuyền-tôn) thì không như thế. Nghĩa là Zen vừa căn-cứ vào kinh-diễn, nhưng cũng vừa phủ-nhận giá-trị tuyệt-đối của văn-tự. Theo quan-niệm của Zen, văn-tự và ngôn-ngữ là những hình-thức, những phương-tiện diễn-tả tư-tưởng, biểu hiện những khái-niệm trừu-tượng của thâm-tâm. Tư-tưởng và khái-niệm không những chỉ là những vật đã được diễn-tả nơi văn-tự và ngôn-ngữ. Còn có những cái trong tư-tưởng, trong khái-niệm mà văn-tự và ngôn-ngữ không thể diễn-tả được, hay chỉ diễn-tả được một phần nào mà thôi. Vì thế nơi văn-tự và ngôn-ngữ không có những giá-trị tuyệt-đối. Đối với Zen, văn-tự và ngôn-ngữ chỉ là những đối-tượng, những ngoại-diện, như ngón tay chỉ mặt trăng, dờ đưa người qua sông mà thôi. Vì thế không thể cố-chấp nơi văn-tự ngôn-ngữ, mà phải rời nó ra để đi tìm chân-lý.

Vì thế thuyết-lý quan-trọng của Zen là « bất lập văn-tự ». Bất lập văn-tự tức là không quan-niệm văn-tự trong kinh-diễn là những vật tuyệt-đối, là mục-đích cuối cùng của con đường đi tìm chân-lý. Ở đây nói là bất lập văn-tự, chứ không phải nói là « bất dụng văn-tự », vì trong phái Zen cũng có những kinh-diễn đọc-tụng hằng ngày, phái Zen tuy là đọc-tụng kinh-sách nhưng không bao giờ chấp-trước, trái lại chỉ chú-trọng ở phần thể-đắc. Trong lịch-sử của phái Zen có rất nhiều thí-dụ để chứng-minh cho ý-nghĩa này. Thí-dụ: Trong « Lăng-già Sư-tư-ký Huệ-Khả truyện » có chép: « Ngái Huệ-Khả đệ-tử của Ngái Đạt-ma tổ-sư nói: theo văn-tự mà hiểu-ngộ, tức là người kém khi-lực; tức nơi sự mà liễu-ngộ mới thật là đạt-ngộ đến chỗ tận-cùng nguyên-lý của vạn-pháp.

Hơn nữa, chúng ta cũng cần nhớ rằng: kinh-diễn phần

(2) Tam bộ kinh của Tịnh-độ-tôn là Vô-lượng-thọ kinh, Quán Vô-lượng-thọ kinh và A-Di-Đà kinh.



nhiều là tùy theo sự phân-giáo. Phân-giáo tức là nương vào những giáo-pháp của đức Phật dạy để phân-đoán, phân-loại và tổ-chức thành từng bộ-môn có cao thấp rộng hẹp khác nhau như Tam-thừa, Ngũ-thừa v. v. . . (3) Phật-giáo lúc còn ở Ấn-độ chưa có sự phân-giáo này, nhưng về sau khi truyền đến Trung-Hoa sự phân-giáo mới bắt đầu. Cho nên chúng ta có thể nói: phân-giáo tức là sắc-thái đặc-biệt của Phật-giáo Trung-Hoa vậy.

Mục-dịch của sự phân-giáo là đề-cao giáo-pháp của đức Phật bằng cách phân-loại kinh-diệu thành từng hệ-thống một, rồi tổ-chức quy-hướng những hệ-thống kinh-diệu ấy về với thâm-ý của đức Phật. Đồng thời phân-giáo cũng còn có một mục-dịch khác, là đề-cao những kinh-diệu của mình đang tin-phụng, nêu tỏ địa-vị ưu-tú của chủ-trương, đường-lối mà mình đang thực-hành theo. Đó là nguyên-nhân chính trong sự tổ-chức Phật-giáo thành nhiều tôn-phái ở Trung-Hoa, rồi truyền đến Nhật-Bản được bồi-túc và cấu-tạo nhiều thêm.

Nhưng Zen là một tôn-phái chủ-trương bất lập văn-tự, nên trong Zen không có sự phân-giáo. Phương-pháp truyền đạo của Zen là « giáo-ngoại biệt truyền ». Giáo-ngoại biệt truyền tức là không căn-cứ vào sự phân-giáo, áp-dụng theo một phương-pháp riêng biệt để truyền-thừa chân Phật-giáo. Ở đây cũng nên nhớ rằng: Zen tuy không nương vào sự phân-giáo, nhưng không phải cho sự phân-giáo là hoàn toàn không có giá-trị. Zen chỉ phủ-nhận quan-niệm, phân-giáo tức

(3) Thừa là chỉ cho những giáo-pháp có năng-lực chở người từ non-dịa đến quả-địa, từ đau-khổ đến an-vui. Chúng sanh vì căn-cơ khác nhau nên giáo-pháp cũng có chia thành nhiều loại như Tam-thừa: Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa, và Bồ-tát-thừa; và Ngũ-thừa: Nhơn-thừa, Thiên-thừa, Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa, và Bồ-tát-thừa.

là chân Phật-giáo mà thôi. Và hơn nữa, cũng phủ-nhận luôn cả quan-niệm: chỉ có Zen là tuyệt-đối, là chân Phật-pháp nữa. Nói một cách khác, đường lối tu tập của Zen là phá-trừ chấp-trước, phủ-nhận ngoại-cảnh và hướng đến nội-tâm.

Khác với các tôn-phái khác như Tịnh-độ-tôn, Chơn-tôn v. v. . . Cần phải thành-lập một đối-tượng siêu-việt ở ngoài để tôn-thờ lễ-bái. Zen thì khác. Chủ-trương của Zen là « Tâm tức là Phật ». Câu « tất cả chúng sanh đều có Phật - tánh » trong kinh Niết - Bàn, là phương - ngôn, là đầu - ngữ của Zen. Trong tâm của chúng sanh đều có Phật-tánh, vì thế chỉ cần phát-huy Phật-tánh ấy chứ không cần phải đi tìm những vật ngoài tự-tâm. Phật-tánh ấy trong phái Zen người ta thường gọi là chân-tánh hay linh-tánh, tức là chỉ cho tự-tánh thanh-tịnh và tự-tâm chân-thật của mọi loài chúng-sanh.

Vấn biết rằng: tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh, nhưng nếu chỉ biết như thế mà không thật-hành theo thì sự biết ấy cũng vô ích. Muốn thực-hành theo thuyết-lý ấy thì trước hết phải có lòng tin, nghĩa là tin chắc rằng: tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh. Về đức tin, trong bộ « Tịnh-độ Hòa-tán » của Ngài Thân-Loan Thánh-nhơn có viết: « Đức Như-Lai thường dạy: người có tin tâm tức là được nhiều hoan-hỷ. Đại-tin-tâm tức là Phật-tánh, và Phật-tánh tức là Như-Lai ». Trong Phật-giáo bất cứ là Tịnh-độ-tôn hay Thuyền-tôn cũng lấy tin-tâm làm căn-bản. Trong kinh-luận thường diễn-tả 2 con đường đi đến sự thành Phật như sau: 1) Diệt trừ bản-ngã vị-kỷ, tin niệm Phật - Pháp, tức quyết định sẽ thành Phật. 2) Chánh-tin quyết-định tức là Phật-tánh hiển hiện. Phật-tánh hiển hiện tức được giác-ngộ và thành Phật. Cho biết rằng: con đường thành Phật tuy có 2 cách, nhưng cách nào cũng xây-dựng trên lòng tin cả.

Chữ Phật-tánh ở đây thường thường cũng được gọi là Như-lai-tạng (tathāgatagarbha), đôi khi cũng được gọi là Như-lai-thai. Như-lai-tạng gồm có 3 nghĩa: đức-tánh của Như-lai hàm chứa trong tâm-trí của chúng sanh, gọi là sở-nhiếp-tàng; các phiền não thường che ần đức-tánh Như-lai ấy, không cho hiển hiện ra, gọi là ần-phủ-tàng; tâm-trí của chúng sanh có khả năng thấu dung tất cả công đức tri-huệ của Như-lai, gọi là năng-nhiếp-tàng. Chữ Như-lai-tạng gồm có 3 nghĩa như thế, nên nếu đứng về thể-tục thì do Như-lai-tàng (đức-tánh của Như-lai bị ần-tàng), nên có mê-chướng, phiền-não, sanh tử. Nhưng nếu ngược lại, nghĩa là đứng về chân-nghĩa mà nói thì Như-lai-tàng tức là nhân pháp nhị không (nhơn-vô-ngã, pháp-vô-ngã), chơn như, Phật-tánh vậy.

Theo các tôn-phái khác trong Phật-giáo thì đại-phàm muốn cho Phật-tánh hiển hiện, tức là thành Phật, cần phải trải qua nhiều giai-đoạn tu tập. Nhưng Zen thì không như thế. Thuyết-lý của Zen là chú-trọng ở chỗ trực-ngộ. Ngay nơi bỗn-giác chơn-tánh của chúng sanh là ngộ và tu rồi. Vì thế phương-pháp tu-hành của Zen là dùng trí để quán-sát, dùng định để trực-ngộ. Một khi tri-huệ và thuyên-dịnh được phát-triển, tức chơn-tánh được hiển hiện và thành Phật. Vì thế các vị Thuyên-sur ở đời Đường thường áp-dụng theo phương cách «trực-chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật». Nghĩa là các vị Thuyên-sur dùng những phương-pháp đặc-thù trực-tiếp chỉ bày tâm-tánh cho người cầu đạo, và người cầu đạo tự mình thấu triệt lấy tâm-tánh của mình. Khi thấu triệt tâm-tánh một cách hoàn toàn tức là thành Phật.

Một mặt khác, trong khi tọa thuyên người tu Thuyên thường dùng trí để quán-sát thân tâm của mình. Thân do tứ-đại (đất, nước, gió, lửa) hòa hợp mà thành. Tâm do trần-lao phiền-não mà phát khởi. Cả thân và tâm đều không

thật có. Cho đến tội ác thâm trọng cũng chính là không. Chính nó là khách-trần phiền-não, là ngoại lai, chứ không phải là cái sẵn có của mình. Cái sẵn có của mình chỉ là Phật-tánh. Phật-tánh mới thật là cái chân-thật của mình. Cho nên sống theo với thân tâm hư-giả, theo đuổi với phiền-não tội chướng, không-vô, tức là đi ngược lại với bản tánh sẵn có của mình. Do quán-sát và tu tập như thế, nên Zen chính là phương pháp đưa con người trở lại với chính họ, nghĩa là hòa hợp với tự tâm, bản tánh thanh-tịnh tức là Phật-tánh của mỗi người.

Phái Zen thường dạy cho người tu hành phương-pháp nội-lĩnh, tự quán-sát lấy bản tâm của mình và tự tin «tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh». Trong phương-pháp Nhị-nhập và Tứ-hạnh (4) của Ngài Bồ-đề Đạt-ma, phương-pháp lý-nhập và xúng-pháp-hạnh là đào-luyện cho người tu-thuyền lòng tin «tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh» và cố-gắng để chứng-đắc, thể hiện Phật-tánh này trong đời sống hằng ngày.

Các vị tổ-sư về sau, căn cứ vào thuyết lý này của Ngài Bồ-đề Đạt-ma, rồi dạy cho đệ-tử các pháp-yếu như: «Tâm tức thị Phật», «Tức tâm tức Phật», «Kiến tánh thành Phật» vân vân... Mục đích chính của các pháp-yếu này là khai-thị cho mọi người liễu-ngộ được ý-nghĩa: «Tâm tức Phật và Phật tức tâm». Đây tức là ý-nghĩa cốt cán của Zen vậy. Ngài Đại-thủ Huệ-hải trong bộ luận «Đốn-ngộ nhập-đạo yếu-môn» cũng có nói: «Kiến tức là tánh, vì chỉ có Kiến mới trực-ngộ được Tánh» là để diễn tả ý nghĩa này.

Tóm lại, thuyết lý căn-bản của Zen là «bất lập văn tự,

(4) Nhị nhập là lý-nhập và hạnh-nhập. Tứ hạnh là báo-oan-hạnh (chịu khổ-quả do nghiệp-nhân đời trước gây), tùy-duyên-hạnh, vô-sở-cầu hạnh và xúng-pháp hạnh.

giáo ngoại biệt truyền» và «trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật». Tuy vậy, nhưng để phá trừ lòng cố-chấp, dù là chấp trước nơi thuyết lý của Zen, nên Ngài Đạo-Nguyên Thuuyền-sur trong bộ «Chánh-pháp nhơn-tạng» đã nói: «Trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật, chưa phải là gia-nghiệp của Phật-pháp». Và trong bộ «Vĩnh-bình quảng-lục» quyển thứ 5 cũng có viết: «Tức tâm tức Phật là cuồn phong; trực chỉ nhơn tâm cũng là cách xa như trời vực».

Các đoạn văn trên đưa đến cho chúng ta một kết luận: Chủ đích của Zen là Đả-khai và Đốn-ngộ. Đả-khai tức là đập tan, cởi mở tất cả các sự ràng buộc bởi phiền-não và cố-chấp. Đốn-ngộ tức là không theo với phương-pháp tiệm-tu, mà thực hành theo phương-pháp Trục-ngộ, nghĩa là tức thời thành Phật, vì rằng tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh, tức tâm là Phật vậy. Chính đó là thuyết-lý đặc biệt của Zen, chúng ta không thể tìm thấy trong các tôn-giáo ở đời, cũng như không thể tìm thấy trong các tôn-phái của Phật-giáo. Tuy nhiên, chúng ta cần phải trải qua nhiều công-phu học hỏi và tu luyện mới có thể liễu-ngộ và chứng-đắc thuyết-lý này một cách hoàn toàn viên-mãn được.

Kỷ sau:

(Sinh hoạt của Zen)

**Quý Vị Phật-tử muốn thỉnh Kinh sách Phật-giáo  
xin mời lại Nhà Kinh Phật:**

**LIÊU - QUÁN**

4 - A, đường Phan-bội-Châu — Huế

**Rất đầy đủ Kinh, Sách và tạp-chí bằng  
Việt ngữ và ngoại ngữ: Âu - Mỹ.**

# CHÉN

## quan hà

Chuyện ngắn của Thích - Nữ Thê - Quán

*H*ÀNH lý của chàng thiếp đã sắp đặt xong, chỉ còn gói bánh « hoan-hỷ » này thiếp đã sấy khô, để chàng đem theo đỡ lòng khi lỡ bữa. Vậy chàng bỏ vào dây đeo theo bên tay khi đi mà dùng. Rồi thiếu phụ nghẹn ngào : « Chàng nay vì sanh kế phải đi phương xa một mình, thiếp chỉ hận không có hai cánh để cùng bay theo... »

Chàng ngậm ngùi nhấp cạn chén quan-hà, rồi đơn thân độc mã lên đường. Cứ ngày đi đêm nghỉ, ròng rã một tuần. Hôm ấy gặp lúc trời tối, lại phải ngủ trong một cánh rừng rậm, anh ta sợ các loài thú dữ, nên leo lên một cây đại thọ mà ngủ. Bỗng xa xa một toán người ngựa đi đến,

vừa tới gốc cây thì dừng cả lại, rồi một người trong bọn nói : « Bây giờ chúng ta đói quá chỉ cần có thức gì ăn mới có thể sống được, nếu không chắc chúng ta sẽ chết trong đêm nay ». Chàng ngồi trên cây đương mơ-màng bỗng nghe nói vậy, động lòng thương, sực nhớ gói bánh đeo theo bên tay, anh vội xuống đưa gói bánh và bảo : « Đây tôi có gói bánh các anh hãy dùng tạm cho đỡ đói ». Trong lúc ma đói đương hoành hành thấy được đồ ăn chúng vội vàng chia nhau nhai ngấu nghiến hết, chẳng còn lưu chút cái nào cả. Chúng ăn xong, nằm lăn ra ngủ, mãi đến sáng thấy chúng không nhúc nhích, chàng ta vội đến thức, thì hỡi ôi cả bọn chết hết ! anh thất kinh, mới biết bánh hoan-hỷ của

vợ chàng tiến chân là thuốc độc. Một mình trong rừng hoang với một đồng thầy chết, anh ta rất lo sợ, nhưng cố bình tĩnh, đến soạn hành lý của chúng xem thử nguyên-quản ở đâu? làm gì? thì mới biết đây là một đoàn cướp. Rồi bỗng nghe lão xào tiếng người ngựa quân lính đằng xa tiến tới. Đã vậy thì vậy, anh bèn tính kế: lấy dao gậy của bọn cướp đâm vào những thầy-chết ấy. Một lúc quả nhiên quân lính nhà vua đi lúng bọn cướp kéo đến. Biết mình gặp thời may, anh liền chạy ra đón quân lại và phán trần: «Tôi biết là quân gian phi nên đã giết cả bọn và lấy tất cả của cải lại.»

Chứng kiến chuyện thật, quân lính mừng rỡ liền mời anh về triều. Vua rất hoan nghênh ban thưởng nhiều vàng bạc và chức tước, vì anh đã có công giúp được một mối lo lớn cho dân.

Anh sực nghĩ chuyện may mắn tình cờ do những chiếc bánh của vợ anh tiến chân, và nhân đó anh nhớ lại cái

ông lang Băm ở gần nhà, lâu nay có những cử chỉ khả nghi đối với vợ anh..., anh định về quê xem sao, thì bỗng có lin vua mời vào triều đề cử đi đến một biên giới, chỗ đó có con sư-tử rất dữ, thường về quấy nhiễu dân chúng. Anh nghĩ mình vô tài, chẳng qua gặp may được sang quý, bây giờ vua sai làm sao mà thôi thác, thôi thì đành đi vậy.

Anh lãnh gươm báu của vua ban rồi ra đi với một đội quân hộ tống. Khi sắp đến hang sư-tử, anh nghĩ: Đám quân này đều nương vào tài ta, nhưng ta thật bất tài, nên không thể bảo đảm tánh mạng họ, nếu đề chúng theo ta vào hang sư-tử thì chắc họ sẽ bị thiệt mạng oan, chỉ bằng đề một mình ta chịu chết. Nghĩ rồi anh ra lệnh cho quân lính dừng lại bố trí ở chung quanh rừng, rồi một mình anh xách gươm mạnh mẽ tiến đến hang thú. Bỗng nghe tiếng rống ghé người, hoảng hồn, anh vội leo tuốt lên cây đại thọ; nhưng, hỡi ôi! Sư-tử đang

hầm hét ngay dưới gốc cây, anh sợ quá run như sỏi rét, thanh gươm hộ mệnh nơi tay rơi khi nào không biết. Đương hoảng hốt thì nghe sư-tử rống một tiếng vang trời, anh nhìn xuống bỗng thấy sư-tử đương quần quai dưới đất, máu trong miệng phun ra lai-láng, định thần một lúc, anh mới biết cây gươm của mình rơi trúng vào miệng sư-tử, nên con thú ấy vẫy vùng một lúc rồi nằm sóng-sượt và chết hẳn. Anh ta mừng quá, vội vàng leo xuống, thối hiệu cho quân lính biết, rồi chở xác sư-tử lên ngựa về triều. Vua cùng đình thần hết sức tán thán tài anh và ban thưởng gấp bội.

Giàu, sang đến với anh một lúc, anh nghĩ: Do lòng tốt của mình nên gặp được toàn những việc may cả. Nay ta cũng nên lấy lượng quân tử, trở về làng xem vợ ta và lão lang Bấm kia bây giờ ra sao. Thế rồi anh mặc áo mào thật oai trở về quê hương.

Ba năm biệt vô âm tín — và quả thật như lời anh đoán,

ông lang Bấm đã làm thuốc độc hại anh, để đoạt vợ với cái sự nghiệp còn con. Sau khi tin chắc tài làm thuốc của mình thì thế nào anh cũng phải chết theo gói bánh hoan-hỷ ấy, nên hai người về ở với nhau thật sự. Không ngờ đã ba năm, nay bỗng thấy anh lù lù trở về lại áo mào như vị đại-thần. Chị vợ tưởng mình hoa-mắt, còn anh lang Bấm thì nhưt định cho là ma hiện hồn về. Khi anh xuống ngựa rồi từ từ tiến vào nhà, ông lang như người mất hồn, chấp tay vái lia-lịa: « Tôi lạy vong hồn anh, sống khôn thác thiêng tha tội cho chúng tôi ». Còn chị vợ thì mặt mày nhơn-nhác, miệng cứng như người phải gió. Làm anh bực cười thương hại. Anh ôn tồn bảo: ta không phải ma hiện hồn về đâu, ta đã nhờ gói bánh hoan-hỷ của vợ ta liền chơn, nên 3 năm qua, ta gặp việc gì cũng hoan-hỷ cả, công chuyện ở nhà ta biết hết rồi, thôi lại đây ta kể chuyện cho nghe ». Chị vợ điến hồn, ông lang mặt xanh như tàu lá, đành riu riu đờng



một bên anh. Anh kể công chuyện đầu đuôi cho hai người nghe. Ông lang biết cơ mưu bại lộ. Ông run như người sắp chết, rồi chấp tay gãi đầu gãi cổ : « Bầm cụ lớn, con biết tội con quá trời, nay con chỉ xin tùy lượng ngài, cho sống con được nhờ, bảo chết con phải chịu... »

Nhìn hai kẻ tội nhờn đứng trước mình, mặt xanh như gà cắt tiết, động lòng từ-bi, anh nghiêm nghị bảo : « Vàng, thật thề, sanh mạng của hai người, giờ đây nằm trong tay ta, khoan nói đến chuyện tình nghĩa — cứ một tội giết người cũng phải lấy sanh mạng đền sanh mạng. Nhưng... vì muốn cầu đạo giải thoát, nên ta không nỡ lấy oán trả oán để gây triền-phược (ràng buộc) cho nhau .. Vậy thật tình ta tha thứ cho vợ chồng người... và ta tuy không phải Thánh nhờn, nhưng ta muốn học hạnh của Thánh nhờn nên chẳng những ta không thù ghét, mà ta còn thương hại các người đã bị ma tham dục quá nhiều, đến

nỗi mất hết lương tâm — quên cả tình nghĩa !!! »

Trước khi lên ngựa về triều, chàng còn dặn với : « Ta ở tại Trường-an, khi nào vợ chồng người cần việc gì, cứ lên đây hỏi thăm nhà quan Tiết-độ-sứ mà đến, ta sẽ hết lòng giúp đỡ. »

Câu chuyện trên đây chính đức Thế-Tôn thuyết ở trong kinh Bách-dụ. Tòì phỏng dịch ra để cống hiến qui thiện-tri-thực, rất mong quý bạn đừng vì chỗ diễn đạt vụng về, mà bỏ mất chơn giá trị của bài kinh lý thú mà đức Phật đã thuyết để ví dụ phước báo của hạnh bố-thi. Như anh chàng trên đây tuy cho người ăn phải bánh độc đến nỗi chết cả đoàn, nhưng căn cứ nơi tâm của anh ta khi ấy, thật chỉ vì lòng đại-bi đồng-thề bột phát, nên anh quên cả những chiếc bánh ngon chính tay vợ làm để tiễn chân, mà anh chưa hề dùng qua chiếc nào. Thật thề, nếu dùng trên tâm niệm từ-bi mà thật hành hạnh bố-thi thì đây là hai món gia bảo đủ cung cấp cho

chúng ta hiện tiền sắc thân ghét, mà còn thương hại các  
vĩnh qui, mà thanh danh còn  
lưu mãi nghìn thu. Thêm vào  
đấy, các bạn hãy đọc lại hai  
câu nói của anh chàng trên  
đấy : « Vì muốn cầu đạo giải-  
thoát nên ta không nỡ lấy oán  
trả oán để gây triền phược  
cho nhau, vậy thật tình, ta  
săn-sàng tha thứ cho vợ  
chồng người... (giải-thoát thật)  
và ta tuy không phải Thánh-  
nhơn, nhưng ta muốn học  
hạnh của Thánh - nhơn nên  
chẳng những ta không thù

ghét, mà còn thương hại các  
người . . . ». (Thánh - nhơn  
thật). Như thế, cho chúng ta  
thấy : Nếu thật tình cầu giải-  
thoát, nếu thánh-nhơn mà bất  
chước (học) thì được giải-  
thoát và làm Thánh - nhơn  
ngay hiện tiền như anh chàng  
trên đây. Còn không cầu muốn  
cũng không bắt chước làm theo  
thì chẳng những trọn đời, mà  
đến vô lượng kiếp, tôi e cũng  
không sao giải-thoát và thành  
Thánh-nhơn được.

(Phỏng dịch kinh Bách-Dụ)

### KÍNH CÁO:

Liên-Hoa Canh-Tý (1960) đã phát hành đến số 6  
mong quý Đại-lý và độc-giả lễ vui lòng gởi tiền  
về cho Tòa-Soạn, đề Tòa-Soạn có phương tiện in  
số sau. Rất cảm ơn.

Quý độc-giả ở Huế xin mời đến thanh toán và nhận  
biên lai tại Tòa-Soạn trong giờ làm việc. Ngoại tỉnh  
gởi Bưu phiếu xin đề:

**Thầy THÍCH ĐỨC - TÂM**

66 CHI-LÀNG - HỘP THƯ 24 HUẾ

L. H.

1) Đại-bi đồng-thề : thấy người đối khổ cũng như mình bị đối khổ vậy.

# KINH ĐẠI PHÂN BIỆT CÁC NGHIỆP

Mahà Kammavibhangasuttam Tập Majjhima Nikàya III, trang 207-215

« Một thời đức Phật ở tại Ràjagaha (Vương-xá-thành) veluvana (Trúc Lâm) Kalandakanivàpe (Ka lan tô viên). Lúc bấy giờ, Đại-Đức Samiddhi đang ở tại một am nhỏ trong rừng. Thời ấy, một ngoại đạo, tên là Potaliputta thường đi rong khắp chỗ này chỗ kia, đến tại chỗ Đại-Đức Samiddhi kính chào vấn an và ngồi một bên. Ngoại đạo Potaliputta nói với Đại-Đức Samiddhi rằng : « Nay Đại-Đức Samiddhi, tôi tự tai nghe từ Sa-môn nói Gotama như thế này, tôi tự thọ nhận từ Sa-môn Gotama như thế này : « Thân nghiệp là hư vọng, khẩu nghiệp là hư vọng, chí có ý nghiệp là chơn thật. Lại có thuyền định, những ai nhập thuyền định ấy, sẽ không có cảm-giác gì cả. »

— « Nay hiền-giả Potaliputta, chớ có nói như vậy ! Nay hiền-giả Potaliputta, chớ có nói như vậy ! Chớ có vu báng đức Thế-Tôn ! vu báng đức Thế-Tôn là không tốt, Đức Thế-Tôn không có nói như vậy : « Thân nghiệp là hư vọng, khẩu nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chơn thực. Lại có thuyền định, những ai nhập thuyền định ấy, sẽ không có cảm-giác gì cả. »

— Đại-Đức Samiddhi : Ngài Xuất gia được bao lâu rồi ? »

— Không được lâu, chỉ ba năm thôi.

— « Nay chúng ta cần hỏi các bậc niên lão Tỷ-Kheo làm gì, khi mà các niên thiếu Tỷ-Kheo tự nghĩ phải

bệnh vực Tôn Sư như thế này. Nay Đại-Đức Samiddhi, nếu cố ý tạo nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thì sẽ lãnh thọ (quả báo) gì ?

— « Nay hiền-giả Potaliputta, nếu cố ý tạo nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thì sẽ phải lãnh thọ (quả báo) đau khổ.

Ngoại đạo Potaliputta, khi ấy không tán thành cũng không bài bác câu trả lời của Đại-Đức Samiddhi nhưng ông đứng dậy và bỏ đi.

Ngoại đạo Potaliputta đi không lâu, Đại-Đức Samiddhi liền đến chỗ Đại-Đức Ânanda, kính chào vấn an Đại-Đức Ânanda và ngồi một bên. Đại-Đức Samiddhi liền thuật lại cho Đại-Đức Ânanda tất cả câu chuyện nói với ngoại đạo Potaliputta.

Nghe xong, Đại-Đức Ânanda nói với Đại-Đức Samiddhi rằng: « Đại-Đức Samiddhi, đây là một cuộc đàm luận chúng ta cần đến yết kiến đức Thế-Tôn. Nay Đại-Đức Samiddhi, chúng ta hãy đi đến đức Thế-Tôn, chúng ta hãy tường trình việc này lên đức Thế-Tôn rõ. Những gì đức Thế-Tôn giảng giải, chúng ta sẽ như vậy mà thọ trì. »

— « Như vậy là phải, này Đại-Đức » Đại-Đức Samiddhi trả lời Đại-Đức Ânanda. Rồi cả hai Đại-Đức Samiddhi và Đại-Đức Ânanda cùng đến chỗ đức Thế-Tôn, dâng lễ đức Thế-Tôn xong, cả hai đều ngồi một bên. Ngồi một Đại-Đức Ânanda liền tường trình lên đức Thế-Tôn tất cả câu chuyện giữa ngoại đạo Potaliputta và Đại-Đức Samiddhi.

Nghe xong, đức Thế-Tôn nói với Đại-Đức Ânanda

rằng: « Nay Ânanda, chính ta không công nhận được thấy ngoại đạo Potaliputta thời ở đâu lại có cuộc nói chuyện như vậy? Nay Ânanda, câu hỏi của ngoại-đạo Potaliputta đáng phải được phân biệt mà trả lời, thế mà kẻ ngu si Samiddha lại đứng một mặt mà trả lời ».

Đại-Đức Ânanda bạch đức Thế-Tôn rằng: « Bạch Tôn Đức (Bhante) nếu vậy là câu trả lời của Đại-Đức Samiddhi, thời tất cả những gì lãnh thọ là khổ thọ cả ».

Đức Thế Tôn liền nói với Đại Đức Ânanda rằng: « Nay Ânanda, hãy xem con đường sai lầm của Samiddhi. Nay Ânanda, ta đã thấy Samiddhi xuất đầu (mở miệng) một cách sai lầm. Nay Ânanda, điều chính ngoại đạo Potaliputta muốn là hỏi cả ba lãnh thọ. Nay Ânanda, nếu kẻ ngu si Samiddhi được ngoại đạo Potaliputta hỏi như vậy và trả lời như thế này: « Nay hiền-giả Potaliputta, nếu cố ý tạo nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, thuộc lạc thọ, thời lãnh lạc thọ. Nay hiền giả Potaliputta, nếu cố ý tạo nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thuộc khổ thọ, thì lãnh khổ thọ. Nay hiền giả Potaliputta, nếu cố ý tạo nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thuộc không khổ không lạc thọ thời lãnh không khổ không lạc thọ. — Nếu kẻ ngu si Samiddhi trả lời như vậy thì đã trả lời một cách dưng đấng cho ngoại đạo Potaliputta. Nay Ânanda, có những kẻ dị-học ngoại đạo ngu si và thiếu kinh nghiệm, chúng sẽ được hiểu đến đại phân biệt các nghiệp của đức Như-Lai, nếu người, Ânanda được nghe sự giải thích chia chẻ đại phân biệt các nghiệp của đức Như-Lai ».

— « Bạch Thế Tôn! nay chính là thời để đức Thế-Tôn chia chẻ giải thích đại phân biệt các nghiệp. Sau khi nghe

Đức Thế-Tôn, các vị Tỷ kheo sẽ (như vậy mà) thọ trì».

— «Vây, Ânanda hãy nghe và suy nghiệm kỹ, ta sẽ giảng».

— «Như vậy, bạch Tôn-Đức», Đại Đức Ânanda bạch Thế-Tôn. Đức Thế-Tôn giảng như sau này:

«Này Ânanda có 4 hạng người ở trên đời. Thế nào là bốn?»

— Này Ânanda, có người ở đời này sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói vọng ngữ, nói lời gièm pha, nói lời độc ác, nói lời ỷ ngữ, tham ái, tâm sân hận, tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục.

— Này Ânanda, có người ở đời này sát sanh, lấy của không cho, tà-dâm, nói vọng-ngữ, nói lời gièm pha, nói lời độc ác, nói ỷ-ngữ, tham ái, tâm sân hận, tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời.

— Này Ânanda, có người ở đời này giữ không sát sanh, giữ không lấy của không cho, giữ không tà dâm, giữ không vọng-ngữ, giữ không nói gièm pha, giữ không nói lời độc ác, giữ không nói lời ỷ-ngữ, không tham ái, tâm không sân hận với chánh kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời.

— Này Ânanda, có người ở đời này giữ không sát sanh, giữ không lấy của không ... (như trên)... tâm không sân hận, với chánh-kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục.

— Này Ânanda, ở đời có Sa-môn hoặc Bà-la-môn do

nhiệt-tình, do đồng-mãnh, do chi-tâm, do không phóng-dật, do chánh-tư-duy chứng được tâm định; và trong khi tâm-định với thanh-tịnh thiên-nhãn thẳng xa mắt loài người, chúng thấy có người ở đời này sát sanh, lấy của không cho, tà-dâm, nói vọng-ngữ, nói lời gièm pha, nói lời độc ác, nói lời ỷ-ngữ, tham ái, tâm sân hận, tà-kiến. Chúng thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục; chúng nói như thế này: «Thật có ác nghiệp, thật có quả báo, ác hành». «Và tôi đã thấy có hạng người ở đời sát sanh, tà kiến... Tôi thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục». Và chúng nói như thế này: «Những ai sát sanh, lấy của không cho... tà kiến, tất cả, sau khi thân hoại mạng chung, đều sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục. Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà-vọng. Như vậy, những điều chúng tự biết, chúng tự thấy, chúng tự giác, chúng kiến chấp và tuyên bố: «Chỉ có như vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng».

— Nay Ananda, ở đời có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do nhiệt-tình, do đồng-mãnh, do chi-tâm, do không phóng-dật, do chánh-tư-duy chứng được tâm định; và trong khi tâm định, với thanh-tịnh thiên-nhãn thẳng xa mắt loài người, chúng thấy ở đời này có người sát sanh, lấy của không cho... tà kiến, chúng thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời». Chúng nói như thế này: «Thật không có ác nghiệp, thật không có quả báo ác hành». «Và tôi đã thấy có hạng người ở đời sát sanh, lấy của không cho... tà kiến; tôi thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời». Và chúng nói như thế này: «Những ai sát sanh... tà kiến, tất cả, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào

thiện xứ, sanh vào các cõi trời, những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà vọng, như vậy, những điều chúng tự biết, chúng tự thấy, chúng tự - giác, chúng kiến chấp và tuyên bố « Chỉ có như vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư-vọng ».

— Nay Ânanda, ở đời có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do nhiệt-tình, do đồng-mãnh, do chí tâm, do không phóng-dật, do chánh-tư-duy chứng được tâm định ; và trong khi tâm định, với thanh-tịnh thiên - nhãn thẳng xa mắt loài người, chúng thấy ở đời này có người giữ không sát sanh, giữ không lấy của không cho, giữ không tà-dâm, giữ không vọng-ngữ, giữ không nói gièm pha, giữ không nói lời độc ác, giữ không nói lời ỹ-ngữ, không tham ái, tâm không sân hận, với chánh-kiến. Chúng thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời. Và chúng nói như thế này : « Thật có thiện nghiệp, thật có quả báo thiện hành » và tôi đã thấy có hạng người ở đời giữ không sát sanh... với chánh-kiến. Tôi thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào các cõi Trời » và chúng nói như thế này : « Những ai giữ không sát sanh . . . với chánh-kiến, tất cả, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời, « những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà-vọng. Như vậy, những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến-chấp và tuyên bố « chỉ có như vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng ».

— Nay Ânanda, ở đời có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do nhiệt-tình, do đồng-mãnh, do chí tâm, do không phóng-dật,



do chánh-tư-duy chứng được tâm định; và trong khi tâm định, với thanh-tịnh thiên-nhãn thẳng xa mắt loài người, chúng thấy ở đời này có người ngăn giữ không sát sanh... không tà-kiến. Chúng thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục, và chúng nói như thế này: «Thật không có thiện-nghiệp, thật không có quả báo thiện hành». «và tôi đã thấy ở đời có hạng người ngăn giữ không sát sanh... với chánh-kiến. Tôi thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục». Và chúng nói như thế này: «Những ai ngăn giữ không sát sanh... không tà-kiến, tất cả, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục». Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn-chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà vọng». Như vậy, những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến chấp và tuyên bố: «Chỉ có như vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng».

— Đây Ananda, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nói như thế này: «Thật có ác nghiệp, thật có quả báo ác hạnh»; **như vậy, ta công nhận (là phải)**. — Nếu chúng nói như thế này: «Và tôi đã thấy có hạng người ở đời sát sanh... tà-kiến. Tôi thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới địa-ngục»; **như vậy, ta công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: «Những ai sát sanh, lấy của không cho... tà-kiến, tất cả, sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục» **như vậy, ta không công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: «Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà-vọng». **Như**

**vậy, ta không công nhận (là phải).** Những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến chấp và tuyên-bố: «Chỉ có như vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng». **Như vậy, ta không công nhận (là phải).** Vì cớ sao? Này Ânanda, về tri-tuệ về đại phân-biệt các nghiệp của đức Như-Lai sai khác vậy».

— Này Ânanda, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nói như thế này: «Thật không có ác nghiệp, thật không có quả báo ác hành». **Như vậy, ta không công nhận (là phải).** Nếu chúng nói như thế này: «Và tôi thấy ở đời này có người sát sanh... tà-kiến. Tôi thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời» **như vậy, ta không công nhận (là phải).** Nếu chúng nói như thế này: «Những ai sát sanh... tà kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời. **Như vậy, ta không công nhận (là phải).** Nếu chúng nói như thế này: «Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà vọng»; **như vậy, ta không công nhận (là phải).** Những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến chấp chặt và tuyên bố: «Chỉ có như vậy là chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng»; **như vậy, ta không công nhận (là phải).** Vì cớ sao? Này Ânanda, vì tri tuệ về đại phân biệt các nghiệp của đức Như-Lai sai khác vậy».

— Này Ânanda, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nói như thế này: «Thật có thiện nghiệp, thật có quả báo thiện hành»; **như vậy ta công nhận (là phải).** Nếu chúng nói như thế này «và tôi thấy ở đời có người tri-giới

không sát sanh . . . với chánh-kiến. Tôi thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra vào thiện xứ, sanh vào các cõi Trời»; **Như vậy ta công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: « Những ai ngăn giữ không sát sanh... không tà kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào thiện-xứ, sanh vào các cõi Trời. » **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: « Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà-vọng »; **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến chấp và tuyên bố « Chỉ có vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư-vọng ». **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Vì cớ sao? Này Ânanda, vì trí huệ về đại phân biệt các nghiệp của đức Như-Lai sai khác vậy.

— Này Ânanda, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nói như thế này: « Thật không có thiện nghiệp, thật không có quả báo thiện hành ». **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: « Và tôi thấy ở đời có người giữ không sát sanh... với chánh kiến, tôi thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục »; **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: « Những ai ngăn giữ không sát sanh... không tà kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung đều sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa-ngục »; **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Nếu chúng nói như thế này: « Những ai hiểu biết như vậy là hiểu biết chơn chánh, những ai hiểu biết khác như vậy, sự hiểu biết của chúng là tà-vọng »; **Như vậy ta không công nhận (là phải)**. Những điều chúng tự biết, tự thấy, tự giác, chúng kiến-chấp và tuyên bố « Chỉ có vậy là chơn thật, ngoài ra đều là hư

vọng». **Như vậy tôi không công nhận (là phải).** Vì cớ sao? Nay Ânanda, vi tri huệ về đại phân biệt các nghiệp của đức Như-Lai sai khác vậy.

— Nay Ânanda, có hạng người ở đời sát sanh... tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục. Hoặc là **trước đây** người ấy đã tạo ác nghiệp thuộc khổ thọ; hoặc là **về sau** người ấy đã tạo ác nghiệp thuộc khổ thọ, hoặc là **trong khi lâm chung**, người ấy sanh ra và nắm giữ tà-kiến. Do vậy, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục. Và những ai ở đời này sát sanh... tà kiến sẽ phải thọ quả báo hoặc chính trong đời này hoặc trong một đời khác».

— «Nay Ânanda, có hạng người ở đời sát sanh... tà kiến. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi trời. Hoặc là **trước đây**, người ấy đã tạo thiện nghiệp thuộc lạc thọ, hoặc là **về sau** người ấy đã tạo thiện nghiệp thuộc lạc thọ, hoặc là **trong khi lâm chung** người ấy sanh ra và nắm giữ chánh-kiến. Nếu những ai ở đời này sát sanh... tà kiến, sẽ phải thọ quả báo hoặc chính trong đời này, hoặc trong một đời khác.

— Nay Ânanda, có hạng người ở đời giữ gìn không sát sanh... với chánh-kiến: khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện xứ, sanh vào các cõi trời. Hoặc là vì **trước đây** người ấy đã tạo thiện nghiệp thuộc lạc thọ, hoặc là **về sau** này người ấy đã tạo thiện nghiệp thuộc lạc thọ, hoặc là **khi lâm chung** người ấy sanh nắm giữ chánh kiến. Do vậy

người ấy sau khi thân hoại mạng chung sanh vào thiện xứ sanh vào các cõi trời. Nhưng ai ở đời này ngăn giữ không sát sanh... với chánh-kiến, sẽ phải thọ quả báo hoặc chính trong đời này, hoặc trong một đời khác.

— Này Ânanda, có hạng ở đời giữ không sát sanh... Với chánh-kiến, khi thân hoại mạng chung người ấy sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục, Hoặc là vì **trước đây** người ấy đã tạo nghiệp thuộc khổ thọ, hoặc là **về sau** người ấy đã tạo ác nghiệp thuộc khổ thọ, hoặc là **khi lâm chung**, người ấy sanh và nắm giữ tà kiến. Do vậy người ấy sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ cảnh, ác xứ, đọa giới, địa ngục. Nhưng ai ở đời này giữ không sát sanh... với chánh kiến, sẽ phải thọ quả báo, hoặc chính trong đời này, hoặc trong một đời khác. Như vậy này Ânanda, có nghiệp không có kết quả và hình như không kết quả; có nghiệp không có kết quả và hình như có kết quả; có nghiệp có kết quả và cũng hình như có kết quả; có nghiệp có kết quả và hình như không có kết quả.»

Đức Thế Tôn nói như vậy. Đại-Đức Ânanda hoan-hỷ tán thán lời giảng của đức Thế-Tôn.

#### **THÍCH MINH-CHÂU**

*Dịch xong tại Nalanda*

*Ngày 27-3-60, Ấn-độ*

THÀNH KÍNH CÙNG DƯƠNG KHÁNH-ĐÀN

TỪ-MẪU QUÁN-THẾ-ÂM 19-6 CANH-TÝ

Hải-Đặng trăm ánh  
 Ngoài khơi sâu lấp lánh phò nguy  
 Tinh-tú huyền-vi  
 Đêm tỏa sáng đường đi Cứu-khò.



Sóng Nam-Hải run run nép sợ,  
 Mây Phò-Đà nín thở cúi đầu.  
 Ngày... chim thuần lý ngàn câu,  
 Gió hòa Pháp ngát nhiệm màu mười phương.  
 Đêm... hoa cây cỏ nhuần sương  
 Thắm Trăng Phò-Độ, ướp hương Đợi-Từ.  
 Khi hương-thượng gồm thu Tịnh-Pháp,  
 Hạnh Từ-Bi sáng Tháp Linh-Tòa.  
 Quán-Âm muôn vạn sát-na,  
 Soi đèn Trí-huệ trồng hoa Siêu-phàm  
 Khi hạ-hóa, Bi vang sám động  
 Phủ Hạnh-Từ chiếu rộng mây lành;  
 Cảm thương tiếng khóc nhân-sanh,  
 Ba mươi hai ứng-thân hành nguyện chung.  
 Ban uy-lực vô cùng vi-diệu,  
 Hải-triều-âm nhạc-điệu siêu linh;

Nhành dương dập lửa vô-minh,  
Cam-lò một giọt muôn hình hoàn sanh...



Niềm suy tưởng long lanh tinh-tú,  
Trăng hào-quang mơ phủ lên đầu.  
Không-gian thoáng hiện vòng cầu,  
Theo đường Trí-Huệ, năm màu mây đưa...  
Nhưng, sực nhớ: hồn chưa thoát xác,  
Mảnh áo tơ ép ngọt hơi Trần;  
Vòng đời bám yiu nghiệp-thân,  
Làm sao với tới Kim-vân Pháp-bào!



Chùa Giác-Hải đưa cao nhịp mõ,  
Hòa tiếng chuông... thoảng gió hương trầm.  
Một hoa sọp rụng âm thầm,  
Nhìn về quá-khứ trầm ngâm kiếp người.  
Quý danh lễ, lạy rời Đai-diện,  
Chân bước đi, hồn biến nơi đâu?  
Mơ màng hai sắc Lam, Nâu,  
Mơ trăng Nam-Hải, Hạc châu Phồ-Môn.

*(Quan-Âm-Các Chùa Giác Hải,  
Vạn-Giã, một đêm trăng sáng 1960).*

# SÁM HỐI

ĐÂY là một đoạn cổ sự mà tạp chí Hải-Trào-âm đã trích ra:

Có người đến hỏi đại-đức Trí-Tạng: Có thiên đàng địa ngục không? — Có — Có Phật Pháp Tăng không? — Có. Hỏi nhiều điều nữa, đại-đức Trí-Tạng đều đáp là có cả. Người ấy ngạc nhiên:

- Đại-đức dạy có làm chăng?
- Chắc ông có gặp đại-đức nào rồi mới đến đây?
- Bạch, đã yết kiến đại-đức Cảnh-Son.
- Đại-đức Cảnh-Son dạy thế nào?
- Hỏi gì Đại-đức ấy cũng đáp là không cả?
- Ông có vợ không?
- Có.
- Đại-đức Cảnh-Son có vợ không?
- Không.
- Thế thì đại-đức Cảnh-Son nói không được; còn ông

thì có cả.

Ấy đó, tội lỗi không thật, nhưng đã gây ra là có, có tội lỗi là có quả báo đau khổ, nên cần phải sám hối. Nếu sám hối thì tội hết, nếu không thì tội ác càng tăng. Hãy kính nghe lời Phật dạy sau đây trong kinh 42 CHƯƠNG:

Người có tội lỗi mà không sám hối trừ bỏ, dồn tức tâm ấy, thì tội lỗi đến qui tụ nơi người ấy như nước đổ về bề cả, ngày càng sâu nhiều.



Người có tội lỗi mà ự biết là trái, đời ác làm lành, thì tội lỗi tự tiêu diệt, như bệnh thoát mồ hôi thì dần dần thuyên giảm.

Nhưng sám hối nghĩa là gì? Là sự ăn năn chừa bỏ tội lỗi cũ bằng cách không tái phạm và làm những điều hiền lành. Nói tóm tắt : sám hối nghĩa là tự giác ngộ. Trong việc sám hối tự giác, tụng kinh lễ Phật là một việc cần thiết giúp cho chúng ta thành hiệu. Đây là một ví dụ chứng minh điều ấy:

— Có con mắt nhưng không có ánh sáng mặt trời, con mắt có thể thấy gì không? Một Đại đức hỏi một tin đồ như thế.

— Bạch Đại đức! Con sẽ không thấy gì cả, nếu không có ánh sáng mà chỉ có con mắt.

— Thế ánh sáng giúp gì cho người?

— Phá tối tăm làm cho con thấy tỏ rõ.

— Cũng như thế. Đức Phật là ánh sáng vĩ đại đối với sự tự giác của người: diệt trừ tội ác hắc ám, làm cho người sáng suốt nhận thật.

Nhưng ngược lại, nếu có ánh sáng mà người không có mắt, có thấy được gì không?

— Bạch Đại đức! không.

— Vậy nên trong sự sám hối phá trừ tội ác gồm với năng lực Chư Phật, sự tự giác của chính mình là điều rất cần thiết.

Đó là câu chuyện chứng minh năng lực vĩ đại của đạo Phật đối với sự sám hối của ta, mà cũng giải thích sự sám hối cần phải có sự tự giác của mình. Có sự tự giác của mình và có năng lực của Phật thì tội ác mới tiêu diệt. Còn xin tội ở đâu và bằng cách gì cũng vô ích cả. Hãy nghe một mẫu chuyện đạo sau đây trong kinh **VỊ TĂNG HỮU**:

Nàng Đê-Vi nghe theo lời ngoại đạo, định đem trâu bò tế Trời và tự thiêu đốt để cầu được hết tội lỗi hưởng sung sướng.

Đại đức Biện-Tài thấy nàng sửa soạn hỏi:

— Người sắm trâu bò để làm gì?

— Bạch, để tế trời.

— Làm giàn hỏa để chi vậy?

— Bạch, để tự thiêu.

— Tế trời và tự thiêu để làm gì?

Đề-Vi chỉ các vị đạo sĩ ngoại đạo nói:

— Các vị đạo sĩ dạy con làm thế sẽ hết tội lỗi, hưởng sung sướng.

— Tội ác do tâm phát động ra thân thể, đâu phải do thân thể gây tạo mà thiêu đốt nó. Tâm nghĩ ác thì làm ác và chịu khổ, tâm nghĩ thiện thì làm thiện và được vui. Tội ác không do thân thể gây ra. Nay nếu thiêu đốt thân mà tội ác ở tâm vẫn còn, thì hết thân khổ này chịu thân khổ khác, có khác gì con bò kéo xe thì đập gãy cỗ xe này, cỗ xe khác được thay vào, có ích lợi gì.

— Bạch Đại đức! — Đề-Vi cảm động hỏi: Vậy nếu muốn hết tội lỗi thì con phải làm sao?

— Tâm niệm trước gây tội lỗi như mặt trăng bị mây che, tâm niệm sau khởi niệm lành như ngọn đuốc trừ tăm tối. Hành vi do tâm phát khởi thì do tâm chuyển biến. Tội ác do tâm tạo ra thì phải do tâm sám hối.

— Nhưng tâm con sẽ chuyển biến sám hối bằng phương pháp chi?

— Tâm đừng tham, sân, si, như thể thân sẽ không sát, đạo, dâm, miệng sẽ không vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt và ác khẩu. Người hãy tự sám hối như thế trong sự hướng dẫn của Đức Giác-Ngộ.

Đề-Vi và các Đạo sĩ rất hoan hỷ, Đề-Vi xin dâng cúng tất cả của báu cho Đại đức Biện-Tài. Ngài bảo:

Người xuất gia không dùng vật quý báu ấy. Người hãy thật hành 10 thiện-nghiệp mà tôi đã dạy và đem khuyên người khác thật hành, thế là đáp ân thiết thật nhất.

---

10 thiện-nghiệp là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói lời độc ác, không tham, sân và si.

Đó là một chuyện. Sau đây là một chuyện nữa trong lịch sử Vô-Trước Đại sĩ.

Vô-Trước đại sĩ thị hiện bệnh nặng, gọi em là Thế-Thân Đại sĩ về bảo :

— Anh không chống lại nỗi cơn bệnh.

— Sao anh đau nặng vậy ?

Vì lo cho em.

Lo thế nào ? Thế-Thân Đại sĩ ngạc nhiên hỏi. Vô-Trước Đại sĩ trả lời :

— Em hủy báng chánh Pháp Đại-Thừa, tội báo sẽ cực trọng. Anh thấy thế nên lo thành bệnh.

— Thế giờ em cắt lưỡi và chặt tay đi để sám hối ?

— Cắt lưỡi và chặt tay đi, hết tội thế nào được ? em dùng lưỡi biện luận, dùng tay trước tác, để hủy báng Chánh Pháp, giờ phải dùng lưỡi và dùng tay ấy mà biện luận và trước tác để tuyên dương Chánh Pháp. Thế mới sám hối tội lỗi được.

Thế Thân Đại sĩ hoan hỷ vì đã tìm được đường đi. Ngài trước thuật cả ngàn bộ sách và chiết phục vô số những người đối lập Chánh Pháp. Địa vị của Ngài lên đến Đại thừa Da-hạnh-vị.

Bởi thế cho nên lời sám hối có câu : Tội do tâm sinh do tâm sám, Tâm nếu hết tội, tội cũng hết, Tội và tâm cả hai đều hết, Thế mới là sám hối chân thật.

Tâm ta tạo tội như bàn tay lật sấp, tâm ta sám hối như bàn tay lật ngửa : tội lỗi phước lành đều do tâm và đều ở trong một niệm : Tâm niệm biết tự giác sám hối trong sự hướng dẫn của năng lực Chư Phật thì không khác gì con mắt sáng lại có ánh sáng, tối tăm sẽ hết, thường lạc sẽ hiển lộ.

Bởi vậy, lời sám hối lại có câu :

Một niệm sáng suốt tội tự không,

Hoàn toàn thanh tịnh như pháp tánh.

THÍCH KIM - SƠN

# Cửa đầu ★ ★ ★ ★ ★

CỦA NGUYỄN THÁI

*Trong cánh rừng yên tĩnh, cây cối chợt có khi xao động và làn gió đến, chốc chốc có tiếng chim hót riu rít. Một người đàn ông ngồi lặng dưới gốc thân cây lớn, mặt hồn nhiên tự tại, không buồn, không vui, sáng sủa, mãn đẫy, mắt nhắm nhìn trong cái nhìn loảng chú và tự tin. Xa xa phía sau lưng người đàn ông một con suối tuôn róc rách đều đều, trong trẻo...*

*Chợt hiện dần ra dáng một người con gái tóc huyền. Nàng quý ngồi từ xa nhìn đến phía người đàn ông yên lặng. Nàng không nói song có tiếng ngân xa vắng đến, nói bằng hơi thở thể cho nàng...*

NGƯỜI CON GÁI TÓC HUYỀN.— (trong tiếng ngân xa...):  
— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— (vẫn yên lặng điềm nhiên, chỉ có một tiếng ngân xa vọng đến thăm nói hộ chàng, như tiếng lòng chàng nói chính với chàng...):

— Ừ, em đã yêu ta. Em đã đặt lên môi ta chiếc cánh đầu tiên, em đã để vào mắt ta đôi con chim non hót nhay khắp ngày. Em đã trở ở lòng ta cánh cửa mở vào miền xanh rộng, mây ngày say ngất với rượu vàng lênh láng, gió đi bằng hơi êm run nhẹ khắp dặm hương dài xao động... Cảnh rộng xa xôi như trái mấm lòng ta thành vô biên âu yếm... ta nói với em bằng tất cả chân thành bổ ngữ, bằng lời lời kết hợp nên thơ...

ta nói với em như suối nước đổ xuống lưng dào dạt róc rách theo dấu chân em miệt mài tưởng xuyên hành vào bất tận. Nhưng...

Rồi em bỏ ta đi tìm một dáng đắp mới. Em như con bướm non rực màu ngày hồng, ngây thơ lượn giờ sáng rõ, thoáng có mùi hương bay tìm kiếm, kiếm tìm ra, chân dẫm nhụy và say trong đài mật rớt. Em hút mật và quên bất hương. Rồi em bay tìm hoa khác như niềm say không còn theo định hướng... Quên hơi hương nên xóa lối về nẻo cũ...

*Người con gái tóc huyền biển dần trong im lặng sau một gốc cây. Từ một phía khác chợt hiện dần ra là lướt dáng một người con gái tóc nâu non. Nàng quỳ gối từ xa nhìn đến phía người đàn ông yên lặng. Một tiếng ngân xa vang đến, nói bằng hơi thở thẽ cho nàng...*

NGƯỜI CON GÁI TÓC NÂU NON.— (*Trong tiếng ngân xa...*):

— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— (*Vẫn yên lặng điềm nhiên, chỉ có tiếng ngân xa vọng đến thăm nói hộ chàng như tiếng lòng chàng nói chính với chàng...*):

— Ừ, em đã yêu ta. Em đã làm ta say đắm trong niềm rạo rức của tình yêu. Không còn biết gì hơn ngoài tiếng em cười ý nhị, ngoài đôi môi em thắm hồng màu mặt trời chiều bề Bắc, ngoài đôi mắt em nháy những khúc nhảy đêm hè trong triều nhạc ấm vang dòn làng xóm. Ôi, cánh tay em vuốt mượt mầu ngà và người em sống dậy những đường nét của các tượng nữ thần Hy-Lạp. Em biết yêu với nhiệt tình, em biết say đắm nồng nàn.

Nhưng rồi một ngày em cũng biết băng khuâng.

Ta biết em như kẻ đói, thèm khát các món ăn hiện bày trên lầu nhà nọ, em trào vào len lén và ám ảnh của mùi thơm ngon miệng đầy quanh tấm lòng trống rỗng, em vội vàng ăn uống như con thú đói gặp mồi, em ngập tràn trong ham hố và quên điều độ và em ngã quay bất tỉnh trong sự chứa đựng quá nhiều, quá bạo lực. . .

Ta biết em chưa chết, em sẽ tỉnh giậy, em sẽ chán ngán món ăn kia và em đi kiếm tìm một món gì khác mới lạ... rồi đây em cũng quay lộn mãi hoài trong sự đói khát khao. Hãy trả lời ta điều đó lúc nào em không còn biết đói biết no!

Và ta chào vĩnh biệt em!

*Người con gái tóc nâu non biến dần trong im lặng sau một gốc cây... Từ một phía khác nữa, chợt hiện dần ra là lướt dáng một người con gái tóc vàng. Nàng quý ngời từ xa nhìn đến phía người đàn ông yên lặng. Một tiếng ngân xa vẳng đến nói bằng hơi thở thể cho nàng...*

NGƯỜI CON GÁI TÓC VÀNG. — (trong tiếng ngân xa...):

— Em yêu anh!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — (vẫn yên lặng điềm nhiên, chỉ có tiếng ngân xa vọng đến thăm nói hộ chàng như tiếng lòng chàng nói chính với chàng...):

— Đúng thế em đã yêu ta. Em đã tái sinh những niềm cô quạnh hiu buồn của ta vào tiếng hát vui ngân những buổi sáng rực màu, hay những đêm trầm ủ nhạc dương cầm dưới tay em lướt thướt. Ôi, tiếng hát dài và rộng và êm đềm quyến rũ. Mê dòng tóc mượt như mặt dầu lênh láng, như tơ tằm đánh sợi, như nắng trời giọt vương tơ. Dòng tóc cột ta vào hơi ấm dịu nồng nàn và căng đầy của mạch tình, dâng chuyền trong em. Em đẹp hơn tượng những Nữ-thần bởi trong em chứa chất sự sống, đốt cháy được tất cả nhiệt tình. Vũ-trụ tưởng như chuyền hành dưới cử động của bàn tay em, mượt đẹp như sự mờ ảo. Mây, trời, sao quần đảo làm nền quanh nơi em ngồi chinh ngự. Em nói với ta lời nhỏ nhẹ, em rót vào ta mật của đài hoa mới hé, em là tiếng hát con chim bé đầu ngày hè nơi rừng lá, em là sự dài các của những người đàn bà tha thướt trong giấc mơ màng nơi đầu trẻ đầy tiên. Em là Tiên, Tiên, em là Thiên-thần... em là tất cả, em là tất cả!

Nhưng không...

Em không là tất cả ! Em không là Tiên ! Bờ một ngày em không còn đủ sự đẹp của một nàng Tiên, mà nàng Tiên nào thấy vắng lại trên xứ sở loài người ? Em nhọc-nhăn và ngầy chán. Em cũng có sự nhọc của con ngựa chạy mãi đường dài. Em cần dừng nghỉ, cần đổi đường như cần thay đổi nhiều lớp áo trong ngày.

Em không là tất cả ! Em sẽ là của người khác. Em như chiếc thuyền lênh đênh, bến bờ thành tạm bợ. quê hương không có, vì chẳng bao giờ muốn biết quê hương.

Ta sẽ ở lại với em ?

NGƯỜI CON GÁI TÓC VÀNG.— *(trong tiếng ngân xa...)*

— Xin Anh hãy ở lại !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— *(trong tiếng ngân xa...)*

— Em đừng nói thế, đừng nói những thứ tiếng quen dùng ! Có là sao nếu em phải bỏ ta, là kẻ đã quen biết với cô-don. Em nói thế, song mắt em không nói thế. Ta biết đọc nỗi-niềm trong đôi mắt. Em mệt-mỏi rồi, em đã thôi hàn gắn chung lòng trong niềm chờ đợi mới, em muốn được yên thân, lo đến tìm những dáng nét... những dáng nét nào em cũng không biết, song em tin là phải đổi mới, phải tìm gặp. Thôi ta chúc em hãy sống bình an. sống và sống mãi để may ra có thể tiến lên một bậc nào yên vị hơn. Em có cần gì ta nữa không em ?

NGƯỜI CON GÁI TÓC VÀNG.— *(trong tiếng ngân xa...)* :

— Vĩnh biệt anh !

*Người con gái tóc vàng biến dần trong im lặng sau một gốc cây. Tiếng một người con gái, không hiện ra vì chỉ nghe qua lời vọng...*

TIẾNG MỘT NGƯỜI CON GÁI.— *(trong tiếng ngân dịu dàng...)*

— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— *(vẫn yên lặng điềm nhiên, chỉ có một tiếng ngân xa vọng đến thăm nói hộ chàng như tiếng lòng chàng thăm nói với chính chàng...)*

Cám ơn em ! Hãy hưởng thụ tuổi nòng của em !

Hãy hưởng thụ mùa xuân đi em ! Hãy bắt vội mùa xuân mà sống !  
Tiếng em trong trẻo quá, lời em còn tình-tú và thơ ngây khiến ta  
xao-xuyến...

Hãy bắt vội mùa Xuân, đừng để lỡ làng và khô nhọc !

TIẾNG NGƯỜI CON GÁI.— *(trong tiếng ngân xa cầu khàn...)* :

— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— *(trong tiếng vọng xa...)* :

— Hãy bắt vội mùa Xuân. Ta chỉ cho em mùa Xuân, này em thấy không em... đầu chân trời ánh sáng ló dần lên, gió chạy dài đơm hương và hoa bắt đầu hé nở, mặt nhỏ thắm đất đường và chim từng đàn lượn hót... Quảng đường này em phải qua, chân trời kia em phải đến. Để trưa đi chiều xuống, em sẽ lỡ mất mùa Xuân. Hãy bắt vội mùa Xuân, em sẽ bắt đầu làm em như chiếc hoa hé buổi đầu, hương sẽ mang em về vĩnh-viễn... .

TIẾNG NGƯỜI CON GÁI.— *(trong tiếng ngân thúc hối...)* :

— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— *(trong tiếng vọng xa...)* :

— Trưa sẽ đi, chiều sẽ đến. Hãy bắt vội mùa xuân đi em ! Nghe lời ta đi thôi !

TIẾNG NGƯỜI CON GÁI.— *(trong tiếng ngân dịu dàng lưu luyến...)* :

— Em yêu anh !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— *(trong tiếng vọng xa...)* :

— Ta muốn em về với mùa Xuân, vì ta chưa phải là mùa Xuân em đợi. Chào em và chúc em may mắn lên đường !

*Ba người con gái ẩn mắt sau các gốc cây, bỗng hiện ra từ từ và tiến gần thêm chút nữa quanh người đàn ông, trở mắt nhìn vào bộ*



mặt tỉnh-táo, tự-lại kia, trong khi những tiếng vọng xa xôi, nhỏ-nhất và thờ-ơ rớt-rạc ngân lên. . .

TIẾNG NGÂN.— (tiếng của những người con gái, nghe xa-xôi nhỏ-nhất, và thờ-ơ rớt-rạc. . .):

— E.m. . . yêu anh! . . . Em y.ê.u. . . anh!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— (vẫn yên lặng điềm nhiên trong tiếng vọng nói thăm...):

— Vâng, em đã yêu ta trong tình yêu chia sẻ, đòi thay!

Nào cần chi phải nhớ nhung, than trách hay oán hờn? Chỉ có sự phải cảm ơn tất cả cuộc đời đã dạy dỗ tâm trí ta. Cảm ơn em đã dạy ta nhiều quá. Có gì tuyệt đối trong những cử động sống chết kia? Chúng ta thấy đều là những con người đáng thương, đáng mến, chúng ta đi tìm nhưng yếu đuối nên chúng ta dừng, chúng ta dứ. . .

Em là kẻ còn sống, còn tìm, còn thay đổi còn đòi khi phụ bạc, vô tình. Em không là con khốn nạn. Em là kẻ đáng thương. Ta không trở lại nữa đâu bởi cửa em đã vô tình đóng chặt và lòng em chật hẹp quá, ta sẽ ngạt thở và tắt hơi!

Ta là kẻ đã thoát ra khỏi lồng rồi! Không trốn tránh, vì luôn chịu sống trong các chiều ngang dọc.

Ta không còn biết yêu, không còn biết ghét. Nếu một ngày nào người ta biết yêu thì cũng sẽ có ngày người ta ghét bỏ. Có bao giờ ta yêu mạch máu của ta hơn yêu một người tình-nhân? Có bao giờ ta ghét đôi môi ta hơn người đồng-loại mà lòng ta bỗng xem như cứu-dịch? Ta với mạch máu ta, với môi ta mãi hoài hợp nhất làm nên sự sống, không thoáng một mây may yêu ghét song chung tình trong nỗi-niềm gì cao hơn yêu ghét.

Không có yêu, không có ghét nữa! Chỉ có sự "đồng nhất" trong sự Sống.

Ta là kẻ đã thoát ra khỏi lồng rồi, đi về mùa Xuân xin làm phép Cưới.

NGUYỄN - THÁI

# KHÁT

# KHAO

---

Huyền - Không

Biết đến bao giờ thôi khát khao  
Bốn phương ranh giới, đến phương nào?  
Đường đời mờ mịt dài vô tận  
Đêm xuống, sao lòng thấy xuyên sao?

Tâm tự muôn đời như đại dương  
Nhân sinh vì mộng giữa đêm trường  
Say tình nhân, ngã nên xa cách  
Tham vọng dâng đầy lấp mền thương

Khát vọng lâu rồi một sớm mai  
Không gian bùng dậy ngát hương hoài:  
Hương tình nhân loạ, hương nhân ái  
Bao phủ lên người chẳng bỏ ai

Thế giới từ đây lấm mọng xanh  
Trần gian sưởi ấm nắng thanh bình  
Từ-bi, dòng suối trong nhân loại  
Bóng Phật hiện về giữa chúng sinh

Cứ ước ao hoài nối tiếp nhau  
Nhân sinh đừng vướng bệnh muôn màu  
Chân-tâm rộng mở: tình-duy-nhất  
Hoan lạc, lòng đời vắng khổ đau

Nhân, ngã từ đây xóa sạch rồi  
Ba ngàn thế giới cũng trò chơi  
Thuyền xưa chở nặng trăng rằm ấy  
Gió kể mây nghe những chuyện đời...

Vũ trụ này đây ai chẳng mong  
Khi lời Phật dạy sáng qua lòng  
Đêm đêm mộng đẹp về an ủi  
Nhân thế dần quên cảnh hãi hùng

Cầu nguyện, người ơi, cho vọng lên  
Cho lòng khao khát đến muôn miền  
Cho người ấp ủ tình nhân-loại  
Cuộc sống vui tươi lảng não phiền.

# BÉ HIỀN VỚI MIMI

CHUYỆN NGÂN CỦA TÂM-HY

**B**É HIỀN nằm thu<sup>lình</sup> trong chiếc giường nhỏ ấm cúng. Bóng đêm đen dày bao trùm khắp cả. Gió lạnh buốt rít từng hồi qua khe cửa, lướt trên chân em bé. Ngoài vườn mưa rả rích điệu nhạc buồn bất tuyệt, dường như tạo vật đang cố ép dòng dư lệ để đưa đám mùa đông sắp tàn.

Mùa đông! Mùa tang tóc, mùa những linh hồn già rời cõi tục. Những xác chết nơi nghĩa địa hẳn giờ này đang ngồi dậy từ các nắm mồ, đi lang thang trong mưa lạnh, đến gõ cửa những sinh vật mòn mỏi để báo hiệu giờ mạng chung. Hồn ma nhập vào luồng gió, len qua khe cửa, thì-thào như thúc giục, như rử-rẻ...

Em bé rùng mình, mở mắt nhìn màn đêm đen thẫm. Em vẫn nghe tiếng mèo kêu lẩn trong tiếng mưa rả rích. Đem

đã khuya rồi, Bé Hiền đoán thế vì em đã ngủ một giấc khá lâu. Và bếp lửa nhóm cho Mimi nằm hẳn đã nguội lạnh, nên nó mới chạy đi kêu cừu như thế. « Hôm nay mình chưa làm việc thiện nào ». Bé Hiền nghĩ thầm. Và nếu bây giờ em ngồi dậy, xuống nhóm lại lửa để sưởi cho Mimi thì tốt lắm. Em thò tay ra khỏi chăn, nhưng vội rút ngay vào vì cái buốt lạnh cắn lấy bàn tay. Em trùm luôn cả đầu, và nghĩ rằng bếp không thể nguội được, đầu hôm đã ủ một lớp tro dày. « Nhất là Mimi lại còn có một bộ lông ấm cúng biết bao! » Em nghĩ tiếp để được yên tâm. Nhưng tiếng mèo kêu mỗi lúc một rõ, tách biệt hẳn tiếng mưa và tiến đến gần giường Bé Hiền như van nài, cầu khẩn. Chắc hẳn đây là con mèo Mướp hàng xóm, vì nó cũng thường đến chơi với Mimi. « Cái con mèo quý đó! Có lần lại dám nằm

dưới chân mình. » Bé Hiền thăm nhủ. Lần ấy Mướp đã làm cho em một phen hoảng sợ hét lên trong đêm tối, trách sao em không khỏi nhấc lại với một ít tức giận trong lòng.

Tiếng mèo kêu bấy giờ đã trở nên xa vắng và yếu dần. «Hoặc có lẽ không một con mèo nào kêu cả ». Bé hoang-mang. Phải, biết đâu! Màn đêm đen tối thế này, rất có thể làm cho người ta có những nhận xét sai lầm. Nhưng một điều chắc chắn là Mimi đã già quá rồi và sắp chết. Lâu nay chuột nhất không còn sợ oai Mimi nữa, tha hồ phá tán. Tiếng «meo meo» của nó thật thiếu nãy, mắt hút trong chuỗi cườì reo của lũ chuột đang gặp thời. Mimi chỉ nằm khoanh trong xó bếp, thỉnh thoảng cong lưng ho sù sụ một hồi và đã hơn một lần thổ huyết. Bộ lông đẹp xưa kia giờ đã xám xơ, lẫn với màu tro xám. Mimi không thiết ăn thịt cá nữa, và hai hôm nay không rời khỏi bếp tro. Nó chỉ nhắp một ít sữa loãng, mà bé Hiền phải đưa tận miệng, vì mắt Mimi kém lắm rồi. Đầu hôm, trong lúc cho mèo ăn, Bé Hiền đã nhận thấy điều ấy. Em

cắt tiếng gọi : «Mimi !» Mimi ngàng đầu, đôi mắt hấp hối nhìn thẳng vào mắt em rồi nhắm nghiền lại, một hồi, Bé Hiền rưng rưng nước mắt hỏi Mimi : «Mimi ơi! một lần nữa ? » Mimi «ngheo...o!» một tiếng trả lời yếu ớt. Chị Hai mỉm cười :

— Em Hiền thương mèo quá, chừng nào Mimi chết em bắt vài con chuột cúng cho nó nhé.

Mimi sắp chết thật chẳng? Có lẽ nào! Bé Hiền nhòm dây, xuống nhòm bếp sưởi cho Mimi. Em lại khuấy sữa cho nó trong một chiếc đĩa cạn. Uống xong sữa thì lạ chưa! Mimi trề hẳn lại. Bộ lông vàng óng mượt, đôi mắt sáng trong, lanh lợi như tự thuở nào, Em hỏi Mimi :

— Mimi ơi! Mimi có biết «kê tam, khuyển ngũ» không? (Bé Hiền học lóm của u già). Gà ba năm, chó năm năm, hay mèo cũng chừng ấy. Mimi đã hơn mười năm rồi, đã bằng tuổi Bé Hiền rồi, tại sao Mimi vẫn trẻ thế này?

Mimi không trả lời Bé Hiền, chỉ gục đầu buồn bã.

— Đễ Bé Hiền lấy « bí giảng tin » xức cho lòng Mimi thêm láng nhè ?

Mimi lắc đầu :

— Bé Hiền ơi ! Chào Bé Hiền ở lại, Mimi sắp bước sang thế giới khác rồi !

Bé Hiền chạy đến, đưa tay vuốt ve bộ lông đẹp...

Tay Bé chạm phải làn chân mịn, và khí lạnh ở ngoài chân làm em tỉnh giấc chiêm bao. Mưa vẫn rả-rích, nhưng tiếng mèo kêu đã im bật. « Chắc chắc Mimi đã chết lạnh mất rồi ! » Bé Hiền ngồi nhồm dậy, lòng ngập tràn hối hận. Quên cả rét, em cầm đèn bấm đi xuống bếp. Mimi đang nằm cứng đờ trên chiếc bàn ăn, hai mắt mở lớn nhìn Bé Hiền. Mimi chết thật rồi. Em nhìn Mimi lăm lăm :

— Tao xin lỗi Mimi nhè. Tao tưởng đã nhúm lửa cho mày rồi chứ !

Nhưng em giật mình. Mimi đã sang thế giới khác ! Rất có thể Mimi không còn là một con mèo nữa, và tự nhiên em bé cảm thấy kinh trọng Mimi. Nó đã được biết thêm một thế giới mới trong lúc em, em chưa biết gì cả đến trong

thế giới loài người.

« Tao cầu siêu cho mày nhè ! » Bé Hiền nói với xác Mimi. Ồ, nhưng mà không thể kêu « mày » với Mimi bây giờ được ! Em nhủ thầm và tính toán một cách xưng hồ ồn thỏa hơn. Đối với mèo thì tuổi Mimi cao quá rồi, có lẽ Mimi đã là một cụ già. Em chấp tay lại, nghiêm trang nói lớn :

— Tôi cầu siêu cho cụ nhè.

Bé Hiền nhâm qua một lượt tất cả những bài kinh mà em đã thuộc. « Chỉ còn thiếu một ngọn nến và hương thắp cho Mimi ». Bé không muốn đánh thức u già dậy để kiểm cho em những thứ ấy, sợ làm xao động buổi lễ cầu siêu. Em bật đèn bấm thay ngọn nến, đặt ở phía đầu Mimi và khởi sự đọc các bài kinh với vài chục lần « Nam mô Tiếp-dẫn Đạo-sư A-Di-Đà Phật ».

Bên ngoài, mưa vẫn rền rĩ. Từng luồng gió lạnh lách qua cửa liếp đập vào người Bé Hiền, làm giá buốt đôi bàn tay nhỏ. « Tội nghiệp quá, Mimi rét biết chừng nào ! » Em bé thầm nhủ, và cởi áo len đắp lên xác mèo. Em trở

về giường. Gió buốt lồng vào ngực vào cổ, nhưng Bé Hiền cảm thấy thỏa mãn. Em phải chịu rét để chuộc tội đã làm cho Mimi chết lạnh.

Rét quá ! Bé Hiền quấn chặt mền vào người, nhưng vẫn thấy buốt ở ngực, vì em không quen chịu lạnh. « Rất có thể ngày mai sẽ bị ho », em nghĩ thầm.

— Tốt hơn là nên phòng ngừa trước. Bé nói lên tiếng, và cầm đèn bấm ra khỏi giường. Em đi đến tủ thuốc, bắt ghế tìm chai thuốc ho. Tiếng động làm u già ngủ cạnh đấy thức giấc. U tựa mình, cất tiếng hỏi :

— Ai đấy ?

Bé tắt ngay đèn bấm, im lặng. Em muốn rằng đêm sẽ qua một cách lặng lẽ để Mimi được yên thân đắp chiếc áo len. Nếu u già tỉnh dậy và biết được, không đời nào u lại chịu để em phủ lên người Mimi cái chăn liệm kỹ quặc ấy. Và Mimi sẽ bị lạnh công. Em hồi hộp, chờ đợi u già tiếp tục ngủ. Nhưng u già vốn cần thận. U quệt một que diêm ngồi dậy :

— Ai ?

— Em, bé Hiền đây.

Bé rùng mình quan sát u già qua ánh lửa nhỏ. Gò má cao, đôi mắt lồm, vầng trán nhăn nhiều đường song song như một chiếc lồng đèn xếp. Tại sao u lại già đến thế ? Bé tự hỏi, băn khoăn. U sinh ra tự hỏi nào, và đến bao giờ thì u chết ? Chắc chắn là u sẽ có ngày như Mimi bây giờ.

Nhưng có phải u già thật chẳng ? Ánh diêm yếu dần rồi vụt tắt. Em bé hoài nghi, tưởng tượng đến những hồn ma đang ngồi dậy trong đêm tối. Em hỏi :

— U có phải là u không ?

U già không đề ý đến lời em hỏi. U ném mẩu diêm xuống nền :

— Em làm gì đấy ?

— Em lấy thuốc ho, u Thanh à.

— Nhưng em có ho đâu mà uống ?

— Chưa ho, nhưng mà sẽ ho. Em uống ngừa. U nằm xuống, giọng đã ngái ngủ :

— Bậy nà ! Đi ngủ đi, u thương.

TÂM-HỸ

Bổn - Cưa

Mười lăm năm cũ  
Đường sỏi chân người  
Mười lăm năm trôi  
Tiếng rơi đường sỏi  
Thời-Gian đầu cuối  
Trùm a-tăng-kỳ  
Còn tiếng chân đi  
Bắt di đường sỏi.  
Đại Hoàn muôn cõi  
Một trong tâm này  
Hình không chuyển lay  
Xác không chỗ dịch  
Lưỡi gươm tam-xích  
Ngàn xưa Cỗ-Đàm  
Trở ngược vào tâm  
Tìm ra Bổn-Cưa

Thạch-Trung-Giả



# XÂY DỰNG GIA - ĐÌNH

CỦA NGUYỄN KHẮC TỬ

**Đ**A NH hiệu « Gia - đình Phật - tử » không còn lạ lẫm gì đối với quần chúng. Tổ chức Gia - đình Phật - tử cũng không chỉ nằm gọn trong thành thị và được xây dựng bởi một lớp trí thức và tiểu tư sản dỏ thành của thời 1940 nữa. Sắc « Lam » đã tỏ thắm ruộng đồng thôn dã, Sắc « Lam » đã hòa nhịp với núi rừng cao nguyên. Và Sắc « Lam » cũng thoa dịu vàng son chói lọi chốn đô thành hoa lệ.

Bên cạnh ái-nữ của một « phụ mẫu chi dân », là con của một chị « bán cháo nghèo nàn ». Sau lưng một « sinh-viên Đại-học » là một anh chàng « tay búa tay đe ». Nếu chú đoàn-sinh bán đậu phụng rang đóng cọc thì bạn đồng đội con nhà triệu phú phải chằng dây. Dưới lá cờ Sen-trắng, tất cả đều trung thành với di chúc của đức Từ Phụ : « Không có giai cấp trong nước mắt cùng mặn, không có giai cấp trong máu cùng đỏ, tất cả đều bình đẳng trước Như-Lai... ». Trong hàng ngũ áo lam, đoàn sinh không những chỉ « từ hải giai huynh đệ » mà còn là « con chung một nhà ». Đàn con mỗi ngày một đông và tổ-chức mỗi ngày một rầm rộ. Nguyên nhân thành lập, lịch trình tiến triển của tổ-chức đã được anh Hùng-Khanh lý mỹ trình bày lâu nay trong tạp chí Liên-Hoa.

Ngày nay, Gia - đình Phật - tử đã là một hiện tượng của

xã hội. Sự phát triển mau lẹ đã làm cho những ai nặng trách nhiệm về tổ-chức phải lo âu. « Xây dựng Gia đình » là những chữ đầu môi trong các hội nghị. Nhìn những nét mặt lơ lửng, nghe những lời phát biểu chân thành, chứng kiến những cuộc đối thoại hăng chát của tuổi đôi mươi, ai nữ nghi ngờ thiện chí xây dựng của hai mươi năm hoạt động! (1940-1960) Hai mươi năm qua, Gia-đình Phật-tử đã đem đến những gì cho xã hội, đã đặt những viên gạch nào lên tòa nhà Phật-Giáo, đã un đúc cho đoàn-sinh một nếp sống ra sao? Con số hàng vạn đoàn sinh « không miễn cưỡng » có đáng làm cho chúng ta hãnh diện?

Tôi, kể đến muộn mằn với tổ chức, thủ phạm em út đầu dám múa rìu qua mắt thợ? Qua những trở ngại của 6 năm lăn lộn với Đoàn em, chen vai thích cánh với các anh chị Huynh-trưởng, tôi xin ghi lại vài điều cảm nghĩ chân thành, gọi là chút quà mọn làm duyên.

### ● Chúng ta thiếu một nền tảng lý thuyết:

Thiếu một nền tảng lý thuyết? 8 vạn 4 nghìn pháp môn chứa đựng trong ba tạng kinh điển đồ sộ, 49 năm thuyết pháp của đức Thích Ca chưa đủ để tạo nên một vạn lý trường thành của lý thuyết hay sao? Muốn làm người thì tam quy, ngũ giới; muốn thành Trời thì hành thập thiện; khao khát La Hán, Thanh Văn thì đã có « Tứ đế, thập nhị nhân duyên »; hoài vọng Bồ-tát, xin mời bước lên đường « lục độ ». Cả một con đường thông suốt từ Ma vương Quỷ-sứ đến giác ngộ giải thoát, ai muốn chọn lựa vào trạm nào thì chọn, tự do. Cái hệ thống tu hành ấy chưa đầy đủ nấc thang để trèo ư!

«Đời Ngài là một biển cả, mà mức nước, con chỉ có hai bàn tay!». (1)

Chính giáo - lý của đức Phật thì mệnh mông mà sức người thì có hạn. — Đứng trước những món ăn toàn là cao lương mỹ vị, biết chọn món nào khi đang đói? Biết chọn món nào cho hợp tý vị, cho ăn nhịp sinh lý và tâm lý của từng lớp tuổi? Nếu vô ý chọn bữa chọn bái, thì «lợi bất cập hại». Mục đích của Gia-đình còn in đậm nét, chương trình học tập từng trang, từng quyển, nhưng phương pháp huấn luyện thì còn thiếu. Lý thuyết nào đề ra phương pháp cho từng ngành cũng chưa được đề ra. Mạnh ai nấy chạy. May ra, gặp Trưởng có ít vốn liếng về kỹ thuật, có thắm nhuần đôi chút phương pháp điều khiển, có óc suy tầm nghiên cứu thì Gia-đình ấy khá. Hướng-Đạo còn có «The wolf cub's handbook» cho Sói, «Scouting for boys» cho Thiếu, «Rovering to success» cho Tráng và Aids to Scout-Mastership cho Huynh-Trưởng để làm căn bản lý thuyết cho tổ chức. Chúng ta không thể nào rút trong đời hoạt động, trong giáo pháp của đức Phật để lập những căn bản lý thuyết cho các ngành Gia-đình Phật-tử hay sao?

Chúng tôi xin thiết tha kêu gọi những vị tiền phong, những sáng lập viên phong trào khai sơn phá thạch cho. Có thể, đường lối hoạt động và phương pháp giáo dục của Gia-đình Phật-tử mới được duy nhất và khỏi sa đường lạc nẻo.

### ● Thiếu ý - thức lúc đến với Gia - đình

Khoan nói đến đoàn sinh. Phải chú trọng đến cấp điều

---

(1) Ánh Đạo Vàng của Võ đình-Cường.

khiền. Động cơ nào đã thúc đẩy các anh chị đến với Gia-đình? đã tự đặt mình trong vai trò lãnh đạo? Sở dĩ phải đề cập đến cấp điều khiển vì chắc những Anh, những Chị đã dẫn đo nhiều khi bước vào ngưỡng cửa Gia-đình, khi đã chọn cho đời mình một nếp sống.

Có phải chăng vì muốn cải tạo một thể hệ thanh thiếu niên đang lặn xuống dốc?

Phải chăng muốn sống một đời sống ý nghĩa hợp với năng lực dồi dào của tuổi thanh xuân?

Phải chăng vì thấy cuộc đời đen tối mà muốn hướng về ánh sáng Giải-thoát qua tự-giác và giác-tha?

Phải chăng? . . . phải chăng? . . .

Tôi không dám vợ dũa cả nắm. Tôi cũng không dám phủ nhận thiện tâm của các Anh, Chị đầy nhiệt huyết. Tôi chỉ muốn nói đến những anh, chị khi vui thì đến, khi buồn thì đi. Hợp với ý mình thì hăng hái xông pha, nhưng bất đồng ý là bỏ bệ công việc, và bỏ luôn cả «đàn em thời đại, chưa hết run rẩy, xơ xác trong cơn gió lốc của thời đại». (Theo ý của Anh Hùng-Khanh — Liên-Hoa số 2 trang 58).

Oan uổng thay là đoàn em tôi. Các em thơ ngây mắng sửa mong đến đoàn đề vui, đề học và đề bắt chước đàn anh, thì than ôi! các em đã ngỡ ngàng gặp sự phản bội: tôi đau lòng khi nghe các em mếu máo than phiền anh kia nghĩ hợp; tôi xót xa khi nhìn thấy các em sụt sùi vì chị nọ không đến đoàn đề các em bơ vơ, xao xác như gà mất mẹ!

Còn những ai đây ; lúc Gia-đình thịnh vượng thì hăng hái đến lúc Gia-đình suy yếu thì ngoảnh mặt làm lơ ? Còn những ai đây lúc sóng lặng thuyền êm thì hò thì hét, đến lúc gai góc mọc lên chơm chớm thì rút lui trật tự vì bận việc gia-đình vì hoàn-cảnh bắt buộc ? vì và vì...???

Tôi còn muốn nhìn thẳng vào ai đến với gia-đình với hậu ý không được sạch trong, với tâm hồn đen tối, với ý nghĩ tìm nơi dung thân và tỏ ra ta đây đã nằm vào một đoàn thể.

Một lần nữa, tôi chấp tay cầu khẩn những vị hữu trách vạch rõ phổ biến tinh thần và sứ mạng để soi sáng tư tưởng hành vi và lời nói của hàng Huynh-trưởng đang lăm le và đã đến với Gia-đình.

### ● Chưa thực sống với lý-tưởng

Lý-tưởng giáo-dục của Jean Jacques Rousseau đẹp đẽ đến thế, sao con của ông ta lại đem gởi vào ký-nhi-viện ? Hay ông ta muốn thực hiện câu : « Fais ce que je dis et ne fais pas ce que je fais » ? (Làm những điều ta nói và đừng làm những điều ta làm). Chúa Jê-sus đã phán : « Ai đánh má bên phải, thì đưa má bên trái... » hoặc « Phải thương yêu kẻ thù... » hay « Mà đừng giết... ».

Lời Chúa phán nhân từ thế kia, sao lại có những « Saint Barthélémy », những « guerre de cent ans » ? Đời của Đức Phật là hình ảnh của « DĨ THẦN TÁC CHÚNG », sao ta lại không TRI HẠNH HỢP NHẤT ?

Một lý-thuyết, một lý-tưởng dù có đẹp đẽ, có kêu gọi bao nhiêu mà chỉ nằm trong trừu tượng, thì cũng trở nên vô ích cho đời sống mà thôi.

Giáo-lý Đức Phật có phải làm ra để lồng vào tủ gương, để đứng xa mà nhìn đâu? Ngài đã thực hành để rồi thành Phật. Không ai đòi hỏi phải thực hành tất cả, nhưng phải cố gắng thực hành. Lý-tưởng Gia-đình Phật-tử thật đẹp đẽ, thật sáng ngời. Nhưng đem áp dụng vào đời sống hằng ngày thì chưa được phổ quát dù những điều tối thiểu.

Đâu đây vắng vắng tiếng than phiền hơn oán vì nói một đường mà làm một nẻo. Đâu đây, những mỉm cười chua chát, những cái nhìn khinh khi trước những hành động trái với tinh thần Phật tử?

Ai dám cho con em đến với Gia-đình, ai dám đặt tin cậy vào một tổ-chức giáo-dục, rỗng có lý-thuyết? Có hãnh diện gì với một số lượng khổng lồ mà chất lượng thì rỗng không?

Một vạn lời hô hào bác ái từ bi không bằng hình ảnh của vị Sa-môn chịu bị đánh chết còn hơn khai cho con ngỗng nuốt hột trai! (chuyện thầy Tỳ-kheo với con ngỗng).

Một triệu trang giấy lập luận về từ bi phải được hưởng dẫn bằng trí tuệ không chắc khai ngộ mau chóng bằng chiếc gậy của đức Thích-Ca nện lên con nai đang mon men ăn cỏ tại Tịnh-Xá Trúc-Lâm. Ngài đánh nai, để bảo vệ đời sống con nai trong tương lai.

Con nhà Tòng không giống lông cũng phải giống cánh. Phải ướp hoa sói, hoa hường vào trà cho thơm cho ngát.

Lần thứ ba, tôi cúi đầu van lơn những ai nặng vì nghĩa vụ mau mau mở ra những chiến dịch, những phong trào thực hiện lý tưởng vào đời sống.

Có người đã la lớn: «Kỷ nguyên này là kỷ nguyên của tân bạo», những bản thống kê thiếu nhi phạm pháp đến kinh hồn. Những vụ giết người, cướp của, hiếp đáp nhau nhả trên báo chí. Sau tiếng «Thanh, Thiếu niên S.O.S.», chuông đã gióng, trống đã giục. Người ta đã tìm nguyên nhân: Có người đổ lỗi cho chiến tranh, có kẻ đặt trách-nhiệm vào cha mẹ, có nơi bảo đó là đồ đệ của St-Germain-des-Prés, là đệ tử của Françoise Sagan!

Có cơ quan ngôn luận đề nghị nâng đỡ các đoàn thể giáo-dục thanh niên, trong đó có Gia-đình Phật-tử, để cứu vãn tình trạng bi đát của hàng ngũ Thanh, Thiếu nhi.

Gia-đình Phật-tử phải làm được những gì để ứng phó với nhu cầu hiện tại và đáp lại sự mong ước của quần chúng.

Một con én không làm nên nổi một mùa xuân, nhưng trăm hoa đua nở có thể làm đẹp không gian và ngát ngào hương thơm ngày ngất.

Sau 8 năm du học tại Tích-Lan và Anh quốc, thầy Thích Trí-Không đã trở về nước với một kết-quả học lực xứng đáng, quý Hòa-Thượng đại-dức trong Giáo-hội Tăng-già cũng như các Phật-tử quen biết đều rất vui mừng và tán dương. Hiện nay thầy đang nghiên cứu tình hình Phật sự trong Tổng-hội P.G.V.N. và sẽ hoạt động Phật sự sau khi đã nghiên cứu rõ ràng.

Liên-Hoa kính lời chào mừng thầy và cầu chúc thầy mạnh tiến trong công cuộc chấn hưng Phật-giáo nước nhà.

L. H.

## Nhìn lại văn-đề nam Phật- Tử trong gia-đoạn hiện tại

TỪ khi luồng gió Âu-tây thổi tạt vào dải đất thân-yêu này đã mang theo những tư-tưởng mới-mẻ. Chính nó đã xáo-trộn cả một nền luân-lý Á-đông.

« Chủ nghĩa cá-nhân » đã lôi cuốn con người chạy theo với vật-chất. Chịu ảnh-hưởng nhiều hơn hết chính là tuổi bông - bốt của thanh-niên.

Những bậc tuổi tác thức-giả đã lo cho thế hệ ngày mai, thế hệ thay thế cho lớp người các cụ, các cụ đã ra công đem nền Nho học đề ngăn cản triều sóng đang hỗn-độn tràn bờ.

Chính luân-lý Nho giáo từ lâu đã là nền đạo-đức căn bản của dân tộc Á-đông, đã đào tạo những con người của dân tộc. Vì Nho giáo không những cải-tạo cho bản-thân mà còn rèn luyện thanh-niên thành một người con trung kiên của

tò-quốc, một con người hữu-ích cho xã-hội, con người mà Nho giáo đã kết tinh trong danh từ « Quân-tử » Luân-lý Không-Mạnh đã thiết lập giáo-thuyết trên phương-châm « Tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình-thiên-hạ ».

Nhưng vì quá cầu nệ trong khuôn-khò hoặc về sau giáo lý bị lệch-lạt bởi người áp dụng không đúng cách, hoặc nữa có vài điểm không còn thích ứng với tinh-thần của trào-lưu tiến-hóa. Mà đời là một bánh xe tiến-hóa không ngừng. Cho nên các cụ đã phải thất bại trong ngậm-ngùi đau xót :

« Văn-minh Đông Á trời thu sạch

« Nay lúc luân-thường đảo ngược ru ! »

Phật-giáo cũng đã nhìn thấy vai trò quan trọng của mình đối với thế hệ tuổi trẻ nên sau 1932, khi nền Phật giáo được chấn-hưng, đoàn thể « Thanh-niên đức-dục »



được tổ chức với mục đích giáo-  
dục thanh-niên dựa trên tinh-thần  
của Phật-giáo. Nhờ thế nền luân-lý  
được chấn-chỉnh trong con người  
thanh-niên của thời-dại.

Bất nguồn từ đó, những đoàn  
Đông ấu Phật-tử rời Gia-đình Phật-  
hóa-phổ đến Gia-đình Phật-tử càng  
ngày càng được mở rộng. Hiện  
nay trên nửa lãnh thổ miền Nam  
nước Việt không một nơi nào vắng  
bóng những đoàn trẻ áo lam.

Nhưng cũng chỉ là một vài mảnh  
váng nhỏ chưa đủ giúp cho tất cả  
muôn ngàn người bị đắm. Cần phải  
cấp thời có rất nhiều những chiếc  
phao không-lỡ hơn. Thưa các bạn  
tôi muốn nói đến đoàn Nam (Thanh-  
niên) Phật-tử trong giai-đoạn hiện-  
thời.

Bào-tổ đã không ngừng mà mỗi  
lúc mỗi thêm phủ-phần. Bao nhiêu  
người đã bị đắm trong những ngọn  
sóng cuồng của vật-dục. Xin bạn  
hãy đứng ở ngưỡng cửa nhìn xem  
trên vĩa hè của chốn thị thành  
trong mười lăm phút, mười lăm  
phút thôi cũng đủ để cho bạn nhìn  
thấy những trang thanh-niên vênh-  
váo, nện gót giày cồm-cộp, đầu chải  
tóm quần tốp ống. . . họ qua lại  
không biết bao nhiêu vòng đề theo  
dõi một tà áo xanh. . . vàng, tím,  
đỏ. . . Họ là những con người chỉ  
biết đi tìm những gì thỏa mãn cho

xác-thân mà quên hẳn đi vấn-đề  
tinh-thần. Không chốn truy-hoan nào  
là không có bóng dáng những chàng  
trao diễm-hình của thời đại ấy. Thưa  
các bạn họ có còn xứng đáng để  
mang danh người thanh-niên của  
dân-tộc không?

Chừng ấy cũng đủ cho chúng ta  
nhận thấy sự cần thiết của đoàn  
Nam Phật-tử đến mức nào!

Thưa các bạn, người thanh-niên  
của dân-tộc cần phải có một lý-  
tưởng để sống, sống cho mình, cho  
những người chung quanh mình và  
cho tất cả. Con người có giá trị  
hay không là ở chỗ có lý-tưởng hay  
không có lý-tưởng.

Nhưng, thưa các bạn, còn lý-  
tưởng nào cao đẹp hơn nếu không  
phải là tinh-thần Tự-giác, Giác-tha  
của Phật-giáo?

Đoàn Nam Phật-tử cần được mở  
rộng hơn để đón nhận những người  
bạn đồng trang đang bước phải  
những nẻo đường lầy-lội. Đoàn Nam  
Phật-tử là nơi làm sáng lại cuộc đời  
của thanh-niên, xông thêm hương  
cho cuộc sống.

Nhưng không phải chỉ có chừng  
ấy thôi. Đoàn Nam Phật-tử còn có  
một nhiệm vụ nặng nề và cần kíp.  
Bào-tổ càng dữ-dội thì những phao

giải-thoát càng tăng-cường. Hiện nay Gia-đình Phật-tử đã phát-triển mạnh-mẽ. Ngay cả những miền quê heo-lánh xa-xôi hay nơi núi đồi trùng điệp vẫn có cơ-sở của Gia-đình Phật-tử. Đó là một điều vừa đáng mừng, vừa đáng lo. Gia-đình mỗi ngày một nhiều, đàn em mỗi ngày một đông cần phải có những người anh (cũng như những người chị) vững vàng, đủ khả năng và nghị-lực để dìu-dắt hướng-dẫn. Những người anh đó tìm đâu ra? Chắc-chắn phải là ở đoàn Nam Phật-tử.

Đoàn Nam Phật-tử là nơi đào luyện những người anh có tác-phong đạo-dức có căn-bản Phật-pháp và những khả-năng cần thiết thật tế để chu cấp cho những đàn em đang thiếu người hướng-dẫn.

Ngoài ra, xã-hội còn bao nhiêu công việc đang chờ đến những bàn tay mạnh-mẽ và tràn ngập tình thương của người Nam Phật-tử. Đây một mái nhà xiêu vẹo của kẻ bần-hàn, kia một em bé đang run-rẩy trong cơn gió mùa đông. Và đây nữa, những gia-đình đang rên la trong cơn sốt hay bệnh lý vì họ sống trong khu đất nhỏ bé, bần-thiêu, nước đọng, bùn lầy... và biết bao nhiêu sự việc nữa kìa sao cho hết ở đây.

Vấn đề Nam Phật-tử đã trở nên

tối cần thiết và cấp-bách trong giai-đoạn này. Chính thầy Thích Thiện-Minh Ủy-viên thanh-niên Phật-tử đã đề cập đến vấn đề Nam Phật-tử trong bài « Thử đề nghị một bước tiến mới cho Gia-đình Phật-tử » (đăng trong Phật-Giáo Việt-Nam tập kỷ yếu Đại-hội P. G. toàn quốc kỳ thứ ba).

Chương-trình tu học của đoàn này cũng được kịp thời sửa đổi cho thích ứng với mọi nhu cầu hơn. Những điểm nào trong chương trình cũ không sát thực-tế hoặc không thể có phương tiện thực hiện thì bỏ đi. Chương trình mới sẽ nhắm vào bốn trọng điểm:

1. — Dựa trên luân-lý Phật-giáo để cải tạo bản thân.

2. — Tạo một căn bản giáo-lý khả-dĩ cho người thanh-niên P. T.

3. — Song song với chương trình tu học ấy phải thêm phần huấn-luyện huynh-trưởng để phục vụ cho các Gia-đình.

4. — Chú trọng đến công-tác xã-hội.

(Chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về chương trình một cách rõ-ráo hơn trong những dịp khác).

Trong giai đoạn thống-nhất Phật-

Giáo này, Đoàn Nam Phật-tử cũng cần được tổ chức lại có quy củ và duy nhất. Muốn vậy, nên tổ chức ngay một trại họp bạn ngành « Thanh » để thắt chặt thêm tình thân ái giữa những con người Thanh-niên Phật-tử trên toàn cõi Việt-Nam, thảo luận những đề-án cho ngành mình, trao đổi và trình bày cho nhau những nếp sống của Thanh-niên trong mỗi tỉnh.

Ngoài ra, những Thanh-niên Phật-tử cần thường xuyên liên-lạc, trao đổi cho nhau những hiểu biết, kinh-nghiệm, tư-tưởng và tình cảm của mình bằng cách xuất bản một tờ nội san. Nếu không đủ phương tiện thì kính nhờ một tạp chí nào của P. G. (chẳng hạn như Liên-Hoa) mở rộng phạm-vi và gây cho nhau nhịp cầu thông-cảm.

Các bạn là những Nam Phật-tử ư? Quý hóa quá. Trong lúc mọi người đang cầu xé nhau để tranh dành quyền sống với châm ngôn « Sống là tranh đấu » thì bạn đã biết tìm về đây chung sống bên nhau trong sự đầm ấm thương yêu, xây hạnh phúc trên vườn hoa Đạo-lý. Bạn đã chọn lấy đạo Từ-Bi và Trí-Tuệ để làm lý-tưởng cho đời mình, đưa cuộc đời ra ngoài vòng u tối, hướng về chân, thiện, mỹ để đi đến tự-tại giải-thoát. Thật bạn đã khéo tìm ý nghĩa cho cuộc sống của mình vậy.

Rồi đây, ngoài bốn phạm tu tập

để cải tạo cho đời sống của chính mình các bạn còn có một sứ mạng cao-cả là dìu dắt đàn em non về với vườn Đạo ngát hương chân-lý. Các em đang trông đợi những bàn tay êm dịu và đầy trứu mến của những người anh đấng.

Những giọng hát trong trẻo, những nụ cười tin yêu ngoan-ngoãn, những cặp mắt ngây thơ trong sáng cùng với tiếng reo đùa vui-vẻ kia không đủ làm một nguồn an-lũ cho đời người Huynh-trưởng hay sao!

Nhanh chân lên các bạn, thì-giờ không chờ ta mà tuổi thanh-niên đâu phải là lúc mới khai mùa, còn ngại ngừng gì nữa!... Tinh-tấn lên! Dũng mãnh lên! mau về đây chúng ta cùng chiêm ngọn đuốc sáng của vô biên. Lời Đức Phật còn dư-âm mãi bên tai ta: « Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi » và cho cả đàn em đi theo sau chúng ta nữa các bạn ạ.

Các bạn ơi! chúng ta hãy siết chặt tay nhau làm một bức thành kiên-cố để che chở cho đàn em của chúng ta. Tôi tin chắc không một bạo lực nào có thể lay chuyển được những con người thanh-niên này mỗi khi chúng ta đã có một lý-tưởng vững-vàng. Không một cường-quyền nào có thể đàn-áp được những người trai Áo Lam khi chúng ta biết đoàn kết trong tình thương để mạnh bước trên đường chân-lý.

ĐỨC-THƯƠNG

TÔNG TRI - SỰ  
Chùa Phật-Giáo Từ-Đàm  
Hộp thư 62  
**H U Ế**

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM  
Phật-Lịch 2504, ngày 20-5 D.L. 1960

Hòa-Thượng  
THÍCH-GIÁC-NHIÊN

Số 25-PĐ/TP

Trưởng-ban Tồ-chức Lễ Phật-dàn  
tại Trung-Phần

Kính gửi Ông Đại-Biêu Chính - Phủ  
tại Trung-Nguyên Trung-Phần — Huế

Kính thưa Ông Đại-Biêu,

Ngày 30-4-1960, Ban Tồ-chức Lễ Phật-Đàn tại Trung-Phần chúng tôi có kính gửi Ông Đại-Biêu một thư văn số 14-PĐ-TP đề trình Ông Đại-Biêu về việc Lễ Phật-Đàn bị trở ngại tại Quảng-Ngãi, chúng tôi đã được Ông Đại-Biêu trả lời thư văn đề ngày 30-4-60 rằng đã can thiệp với Ông Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi, và đề thông-cảm vấn-đề hơn, chúng tôi đã cử Đại-diện vào trực-tiếp hội-đàm với Ông Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi về vấn-đề này. Tuy vậy, Lễ Phật-Đàn vẫn bị trở ngại một cách đáng tiếc kể cả Thị-xã.

Theo thư khiếu-nại số 8-PĐ-QN đề ngày 8-5-60 của Ban Tồ-chức Lễ Phật-Đàn tại Quảng-Ngãi mà chúng tôi vừa nhận được (bản sao kính đính hậu); thì mặc dầu có sự can-thiệp của Ông Đại-Biêu và sự hứa hẹn của Ông Tỉnh-Trưởng Quảng-Ngãi với vị Đại-diện của Ban Tồ-chức Lễ Phật-Đàn Trung-Phần của chúng tôi, vẫn không đem lại kết quả như tinh thần thư văn của quý Tòa, vì vậy đã xảy ra nhiều vụ bất bớ, cản trở, phá phách khắp nơi, thậm chí có nơi lấy ghế chắn ngang qua đường không cho Phật Tử đi dự Lễ như trường hợp ở thôn An-Hòa, và Phật-Tử Khuôn-Hội Trà-Bình-Đông bị bắt trong lúc đang hành lễ tại Chùa v.v...

Những sự kiện đã xảy ra như trên gây nên sự hoang mang phần uất cho mấy vạn Phật-Tử ở Quảng-Ngãi cũng như tất cả Phật-Giáo-Đồ trong nước; sự trở-ngại đó đã đi ngược lại quyền tự-do tín-ngưỡng mà Hiến-Pháp đã minh-định và phần lợi chủ-trương của Chính-Phủ Cộng-Hòa, rất có phương hại lớn lao cho tinh-thần đoàn-kết của đông-bào mà Ngô Tổng-Thống thường kêu gọi.

Vậy chúng tôi mong Ông Đại-Biêu lưu-tâm giải-quyết cho kịp thời việc này để làm dịu lòng sự thắc mắc của hằng triệu Phật-Tử trong nước.

Xin Ông Đại-Biêu nhận ở đây lòng tri ân nồng hậu của chúng tôi.

Nay kính  
Trưởng-Ban Tồ-Chức

HÒA-THƯỢNG THUYỀN-TÔN

**Chư Tăng nhập Hạ**

Tuân lời Phật dạy, hằng năm đến mùa hạ, chư Tăng phải nhập hạ ba tháng để thanh tịnh tu hành... Cũng như thường lệ, năm nay chư Tăng chính thức trong Giáo-hội Việt-nam, hầu hết đều nhập hạ, chỉ trừ những vị cao niên già yếu và một vài vị bận nhiều Phật sự cần thiết mới ở ngoài mà thôi. Lễ nhập hạ đã cử hành long trọng vào ngày 15-5-Ấm-lịch tại các địa-điểm chính như: Phật học Viện An-Quang Chợ-lớn, Giảng đường Giáo-hội Nam phần chùa Pháp-hội Saigon. Phật học Viện T. P. Nha-Trang. Trụ-sở Giáo-hội Trung phần chùa Linh-Quang Huế. Chi-nhánh Phật học Viện Báo-quốc Huế. Chi-nhánh Phật học Viện Phổ-dà Đà-nẵng và Trụ-sở các Giáo-hội các tỉnh v.v... Năm nay vì nhuần 2 tháng 6 nên lễ nhập hạ cử hành vào rằm tháng 5 để xuất hạ cho đúng ngày Vu-Lan rằm tháng 7 Âm-lịch.

Liên-Hoa nguyệt san kính thành cầu chúc toàn thể chư Tăng trong mùa Hạ này thấu hoạch nhiều kết quả tốt đẹp trên đường tiến tu đạo nghiệp, đề duy trì chánh pháp, lợi lạc hữu tình.

**Phái đoàn Hội Phật-giáo T. P.**

Một Phái-đoàn của Tổng-Trị-Sự Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần gồm có các Đạo-hữu Nguyễn-văn-Quì, Bùi-Cam và Phạm-văn-Siêu, đã khởi hành từ Huế hôm 25-5-1960, đi thăm viếng các Tỉnh-Hội Phật-Giáo tại Cao-Nguyên và Trung-Nguyên Trung-Phần, với mục đích kiểm tra tình hình Phật-sự tại các Tỉnh-Hội, đồng thời xúc tiến

quý sùng tu Tổng-hội-quán (Chùa Từ-Đàm Huế).

**Xin trả lời chung**

Gần đây, Văn-phòng Tổng-Trị-Sự Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần, có nhận được nhiều thư của một số đồng Phật-tử xa gần kể cả anh em binh sĩ, hỏi về kết quả của bức thư số 25-PĐ/TP đề ngày 20-5-1960 của Ban Tổ-chức lễ Phật-Đản Trung-Phần gửi Tòa Đại-Biêu Chính-Phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần khiếu nại về việc lễ Phật-Đản vừa rồi bị ngăn trở một cách không hợp pháp tại Quảng-Ngãi cũng như bức thư số 096-PG/TP đề ngày 16-5-1960 gửi Bộ Nội-Vụ. Riêng thư số 25-PĐ/TP gửi Tòa Đại-Biêu, ngày 10-6-1960 Ban Tổ-chức lễ Phật-Đản Trung-Phần cố tục thư số 28-PĐ/TP, yêu cầu Tòa Đại-Biêu trả lời dứt khoát cho việc ấy. Nhưng đến nay chúng tôi vẫn chưa nhận được phúc đáp nào cả về 2 bức thư trên.

Vậy chúng tôi xin trả lời chung đề quý Phật-tử xa gần được biết, nếu sau này có nhận được thư phúc đáp nào, sẽ tin quý Phật-tử được biết sau.

Chúng tôi xin chân thành tán thán tinh thần hộ trì Chánh-pháp của toàn thể Phật-tử đối với các vấn đề trên.

Về thư số 121-PG/TP đề ngày 19-6-1959, gửi Tòa Đại-Biêu Chính-Phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần, yêu cầu can thiệp những vụ đàn áp Phật-giáo tại Phù-Mỹ (Bình-Định) đã được Tòa Đại-Biêu giải quyết tạm ổn.

**Hội nghị Phật-giáo Đức quốc.**

Cuối năm vừa qua tại Hamburg đã có một cuộc hội họp của những vị lãnh tụ các đoàn thể và hội Phật-giáo ở Đức. Mặc dầu có những ý kiến dị đồng, người ta nhận thấy sự đồng nhất trong cố gắng hoạt động là sợi giây liên kết mọi người. Hội nghị đã bàn đến những nhu cầu riêng của mỗi tổ chức Phật-giáo và đã trao đổi kinh nghiệm cho nhau.

Hội nghị năm nay sẽ nhóm họp vào ngày 17 và 18 tháng 9 tại thành phố Munich.

**Những tặng phẩm của Thái-Lan cho hội Phật - giáo Anh - quốc.**

Ông Sukich Nimmanheminde Bộ-Trưởng Thương-mãi Thái-lan đã sưu tầm và gởi biếu hội Phật-giáo Anh tại Luân-đôn những tượng Phật bằng đá và bằng đồng mà ông đã tìm ra trong rừng hay là do những bạn bè của ông biếu cho. Số tượng này sẽ được bán để thu tiền cho quỹ của Hội.

**Phật-Giáo tại Đông-Hồi.**

Hội Thanh-Niên Phật-tử Đông-Hồi, trụ sở số 2 đường Asgar, thị xã Chittagong đã mở một thư viện công cộng với mục - đích truyền bá Phật-giáo. Ông Tổng thư ký đã cho biết là hội rất vui lòng mà nhận được sách, báo Phật-giáo của các tổ-chức Phật-giáo gởi biếu để thực hiện mục đích của thư viện.

**Phim tài liệu về Phật-tích.**

Ban Điện-ảnh của bộ Thông-Tin và Phát thanh Ấn-độ đã soạn quay phim tài liệu về Phật-tích ở Orissa. Chuyên viên điện ảnh của bộ đáp lời mời của Hội Maha Bồ-đề ở Orissa đã đi viếng thăm những hang đá tại Ratnagiri, Lalitgiri, và Udaygiri để soạn phim.

**Một Thanh niên Anh xuất-gia.**

Ông Ian Llewellyn Holton, người Anh 24 tuổi, đã đến tu viện ở Dodanduwa Tích-Lan để xin xuất-gia. Ông đã ham thích Phật-giáo từ lúc 14 tuổi, đã xem nhiều sách về Phật-giáo và sau đó có ý nguyện đi đến xứ sở của Phật. Trên đường đi Diển-Điện ông đã ngừng tại Tích-Lan và quyết định xuất gia tại đây. Ông ta đã phải xin làm thợ nề đi Tích-Lan. Trước đây ông là một sinh-viên Đại-hại-Đường Exeter ở Devon Anh-quốc.

**Một tượng Phật được trả giá 5 triệu Mỹ-kim.**

Một triệu phú Mỹ sau khi viếng tàng cổ viện Mathura ở Ấn-độ đã trả 5 triệu Mỹ-kim để mua một tượng Phật to bằng hình người, nhưng Chính-phủ Ấn-độ đã từ chối không bán.

Loan tin này, ông Mathur nhân viên phụ trách tàng cổ viện này cho biết nhà triệu phú Mỹ sẵn sàng trả tiền mặt đủ số ngay tại Ấn-độ, nhưng ông ta phải chờ lệnh chính phủ. Sau đó chính phủ Ấn đã từ chối nhưng lại tượng Phật có giá trị và có tính cách lịch sử này. Tượng này bằng đá đỏ và rất quý nhờ nét chạm trổ tinh vi, đã được xem là một tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc Ấn-độ.

**KÍNH - CÁO**

Thống Sáu Nhuận Liên-Hoa tạm nghỉ một kỳ, sẽ tiếp tục xuất-bản đúng ngày Vu-Lan Rằm tháng Bảy Âm-lịch.

Vì sắp tới không kịp nên số này xin tạm nghỉ bài: « Cờn hiểu đúng đắn ý nghĩa Gia-định Phật-tử » và chuyện dài « Những ngã đường » một kỳ. Mong quý vị độc-giả hoan - hỷ.

**L. H.**